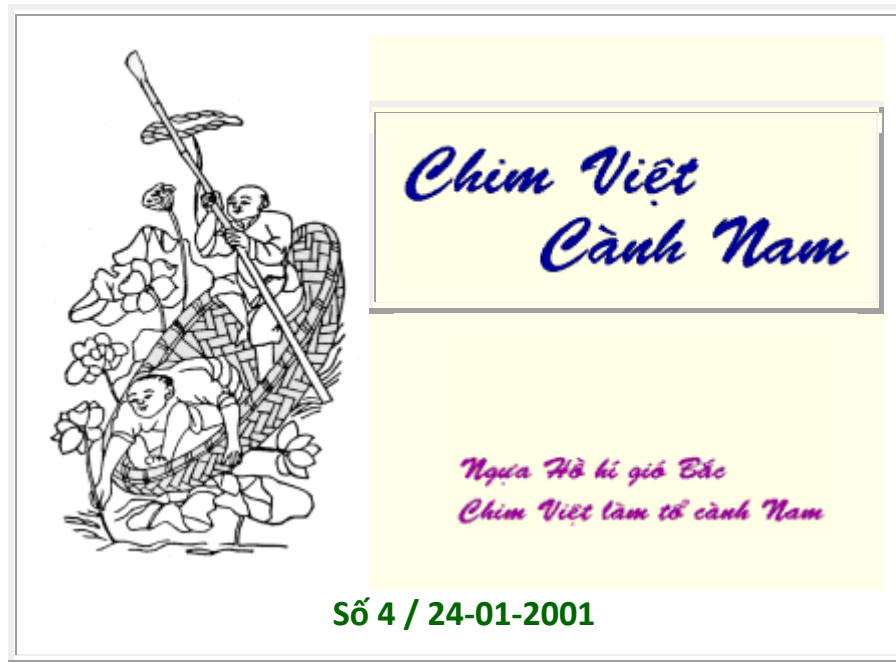




Quê Hương-Phong tục

- . Nguyễn Dư :
- [Ngày Tết, thử bàn về một tấm tranh Tết](#) - "[Chơi Xuân](#)" đã dễ mấy người...
- [Đôi lời tâm sự](#)

Thơ



- . Huỳnh Mạnh Tiên :
- [Chép thơ là để xin lỗi đời](#) - [Mộc Lan trái mùa](#) - [Vô hình trung](#) - [Tâm kinh](#) / [Đạo ông bà](#)
- . Nguyễn Hồi Thủ :
- [Thế hệ thứ hai](#)
- . Thơ tiền chiến : - [Đây thôn Vĩ-Gia](#) - [Hàn Mặc Tử](#) - [Nguyên đán](#) - [Xuân Diệu](#) - [Nhạc Xuân](#)- [Nguyễn Bính](#) - [Tây tiến](#) - [Quang Dũng](#) - [Xuân](#)- [Chế Lan Viên](#) - [Xuân](#)- [Huy Cận](#) - [Xuân về](#) - [Lưu Trọng Lư](#)

Văn ký - Biên khảo

- . Hoàng Như Mai : - [Rằm tháng Giêng](#)
- . Vũ Hạnh : - [Bút máu](#)
- . Hàn Thuỷ : - [Đầu thế kỷ 21 :Tin học và Sinh học hội tụ](#)

Văn Ngoại

- . Miêng : - [Một cuộc gặp gỡ](#) (TCHEKHOV, 1887)

Văn học - Giáo dục

- . Nguyễn Phú Phong: - [Về vấn đề lấy từ trong tiếng Việt](#)

Lịch Sử

- . Nguyễn Khắc Thuần : - [Lý Thường Kiệt và trận đại thắng ở Như Nguyệt](#)

Ngày Tết, thử bàn về một tấm tranh Tết

Nguyễn Dư

Những ai thích tranh Tết Việt Nam chắc đều biết hai tấm *Đám cưới chuột* và *Trạng chuột vinh quy*.

Hai tấm tranh cùng mô tả một đám rước có đủ cả cờ quạt, kèn trống, lễ vật. Giữa đoàn rước là hai nhân vật chính, chàng chuột đội mũ cưới ngựa đi trước, nàng chuột ngồi kiệu theo sau. Sừng sững giữa đường, một lão mèo già hung dữ ngồi cản lối, giơ vuốt dọa nạt.

Tùy theo trong tranh có chữ nghênh hôn, chú rể, hay tiến sĩ, vinh quy người ta gọi là tranh *Đám cưới chuột* hay *Trạng chuột vinh quy*.

Phân tích ý nghĩa của tranh, các học giả nhận xét rằng :

- "Đề tài(tranh Đám cưới chuột)giống tranh Trạng chuột vinh quy: phải dứt lốt đám quan lại"(1).



- "Thoáng nhìn tờ tranh "Trạng chuột vinh quy" còn gọi là tranh "Đám cưới chuột", ta thấy bức tranh diễn tả một đám rước quan trạng chuột vinh quy rất vui. Cũng kèn trống, cờ quạt, mũ mấn, cân đai chỉnh tề, "Chuột anh" cưới ngựa hồng đi trước, "Chuột nàng" ngồi kiệu theo sau, đám rước tiến hành trong không khí trang nghiêm, nhưng thực ra họ nhà chuột vẫn có vẻ lo sợ, thấp thỏm, ngơ ngác, mắt lăm lăm lết nhìn trước nhìn sau. Thực tế chuột rất sợ mèo, không phải là kẻ dễ dàng để chúng đi lại tự do, nghênh ngang như vậy. Nên muốn được yên thân thoát khỏi nanh vuốt "mèo già", họ nhà chuột đã phải trình trọng kèn trống rước lễ vật dâng biếu chú mèo đang vảnh râu, trừng mắt ngồi chờ, nào là chim câu béo, cá chép to là những thứ mèo ưa thích nhất, nhưng đồng thời cũng là những lễ vật người dân lao động xưa thường phải đem biếu xén dứt lốt cho bọn cường hào quan lại.

Tính độc đáo của tranh "Trạng chuột vinh quy" là biểu hiện sự chống đối tích cực của nhân dân về tệ nạn tham ô, ăn dứt lốt của bọn thống trị, là tiếng cười hóm hỉnh mỉa mai sâu cay của nhân dân lao động đối với chúng. Mặc dù trong tranh không chú thích cụ thể về ý đồ phản ánh của tác giả, nhưng nhân dân vẫn hiểu rõ cái chất đả kích của tranh"(2).

- "Tranh *Chuột đỗ trạng nguyên* vinh quy bá tử, ngựa anh đi trước, kiệu nàng đi sau. Và đám rước vinh quy này mang chim, mang cá tới biếu chú mèo. Trên bức tranh có đề mấy hàng chữ :

Thử bói đê ngư: chí, chí, chí, nghĩa là đàn chuột dâng cá kêu chí, chí, chí.

Miêu nhi thử lễ: mưu, mưu, mưu, nghĩa là chú mèo giữ lễ: meo, meo, meo.

Lại có hàng chữ nổi ở góc trái phía trên:
Tác lạc: nghĩa là làm vui
Khôn khôn khôn đã có dễ
Đỗ cao cưới vợ tiếng rằng hời

Bức tranh này còn gọi là tranh *Đám cưới chuột* (3).

Các nhận xét về ý nghĩa của tám tranh đều giống nhau. Nhưng điều đáng ngạc nhiên là tại sao cùng một tám tranh vẽ một đám rước, hay nói đúng hơn là hai tám tranh có cùng nội dung, bố cục mà lại có thể lúc thì là đám cưới, lúc khác lại là đám rước vinh quy? Như vậy hóa ra hai đám rước giống nhau? Điều này còn có nghĩa là các học giả mặc nhiên công nhận rằng dù cưới hỏi hay vinh quy, *vô danh tiểu tốt* hay *bảng vàng bia đá*, trong cả hai trường hợp các đương sự đều phải dứt lốt, hồi lộ cho quan chức địa phương?

Sau lũy tre xanh ngày xưa, đám chuột đồng, chuột nhắt sợ cụ mèo nanh vuốt là chuyện bình thường, dễ hiểu. Nhưng đến cả hàng *chức sắc* cũng phải sợ hạng *chức dịch* trong làng thì quả thật là chuyện khó hiểu, khó tin.

E rằng tám tranh có vấn đề, cần phải đem ra bàn.

Trước khi bàn, chúng ta hãy cùng nhau trở về xem *Rước dâu* và *Rước trạng nguyên* của xã hội ngày xưa. Hy vọng rằng sau đó chúng ta sẽ rút ra được một kết luận.

Rước dâu

Tục lệ cưới hỏi ngày xưa ở nước ta bắt chước tục của Tàu nên rất rườm rà, phiền toái. Đại để có 6 lễ:

- Nạp thái: nhà trai và nhà gái đính ước.
- Vấn danh: nhà trai hỏi tên tuổi, ngày sinh tháng đẻ của cô gái.
- Nạp cát: tuổi tác, ngày sinh đôi bên thuận hợp, nhà trai chấp nhận đính ước.
- Nạp tỳ: nhà trai làm lễ hỏi.
- Thỉnh kì: nhà trai xin làm lễ cưới.
- Nghênh hôn: lễ cưới, rước dâu.

Đến đời Lê và đời Nguyễn thì tục lệ cưới hỏi đã dần dần được thay đổi, bớt nặng nề tốn kém, rút ngắn thời gian chờ đợi. Ngày nay từ thôn quê đến thành phố chỉ còn giữ lễ hỏi và lễ cưới. Có khi cả hai lễ được gộp chung, tổ chức cùng ngày cho tiện.

Rước dâu nghĩa là nhà trai đến nhà gái để làm lễ rước cô dâu về nhà chồng.

"Về vùng hương thôn với nhau, cưới thường đi về đêm. Lúc đi, phải chọn giờ hoàng đạo mới đi, và phải có một người đàn ông dễ tính ra đón ngõ trước, khi ra thì reo ầm cả lên rằng gặp giai, để cho mọi việc được dễ dàng mau mắn. Trong đám cưới có một ông già (kén ông nào hiền lành, mà vợ chồng còn song toàn, lắm con nhiều cháu mới tốt) cầm một bó hương đi trước, rồi đến các người dẫn lễ, kẻ đội mâm cau, người khiêng lợn rước v.v... Chứ rể thì khăn áo lịch sự, có một đám thân thích dẫn đi. Khi đến nhà vợ, dàn bày đồ lễ, người chủ hôn nhà gái khấn lễ gia tiên rồi thì người rể vào lễ(...).

Sáng hôm sau thì đưa dâu, nhà trai nhà gái cùng ăn mừng, làm cỗ bàn mời bà con khách khứa(...).

Đưa dâu, nhà gái cũng kén một ông già cầm bó hương đi trước, rồi bà con họ hàng dẫn cô dâu đi sau. Đến nhà trai rồi thì một vài bà già dẫn cô dâu vào lạy gia tiên, rồi đưa đi lễ nhà thờ đôi bên bố chồng mẹ chồng(...)(4).

Xưa kia, nước ta không có sổ giá thú, thay vào đấy có lễ nộp cheo cho làng. Trước khi cưới, nhà trai phải nộp cheo cho làng của nhà gái. Nộp bằng tiền hay bằng phẩm vật, nhiều hay ít, tùy theo lệ của từng làng. Nộp cheo có giá trị như khai báo sổ sách ngày nay.

Dọc đường đến nhà gái, thỉnh thoảng nhà trai lại bị trẻ con chằng dây chần lối, phải cho tiền chúng mới cởi dây cho mọi người đi qua. Lại có đám xin tiền bằng bánh pháo mừng, hoặc bày hương án giữa đường...

Nộp cheo, chằng dây, bày hương án cũng là dịp để các chức dịch, người làng, mè nheo, vôi vĩnh tí ti.

Đón dâu và rước dâu ngày xưa toàn đi bộ. Sang đầu thế kỉ 20, tại một vài thành phố lớn bắt đầu dùng xe tay, xe song mã. Ngày nay nhiều nơi dùng xe hơi. Phương tiện tuy có thay đổi theo thời, nhưng từ xưa tới nay chưa nghe nói có đám cưới nào có chú rể cưới ngựa đi trước, cô dâu ngồi kiệu theo sau, xung quanh nào cờ, nào quạt như trong tranh vẽ!

Phải thừa nhận rằng tranh *Đám cưới chuột* mô tả không đúng một tục lệ quan trọng ngày xưa! Chẳng lẽ nghệ nhân dân gian lại sai lầm như vậy ?

Rước trạng nguyên

Trạng nguyên là người đỗ đầu kì thi cao nhất của khoa cử ngày xưa.

Cho tới đầu thế kỉ 20, thi cử ở nước ta được tổ chức mỗi 3 năm một lần. Có 3 kì thi chính là *thi hương, thi hội, thi đình*.

1- Trước khi thi hương, tất cả sĩ tử phải qua kì sát hạch. Ai đỗ sát hạch mới được ghi tên dự thi hương.

Thi hương, được tổ chức ở một số tỉnh lớn như Thừa Thiên, Gia Định, Nghệ An, Thanh Hóa, Nam Định, Hà Nội (về sau Nam Định và Hà Nội nhập làm một thành Hà Nam), gồm có 4 kì. Phải đủ điểm kì trước mới được vào kì sau. Ai đủ điểm qua được 3 kì đầu thì được vào dự kì chót là kì *phúc hạch*. Cộng điểm cả 4 kì, điểm cao được đỗ *cử nhân*, thấp thì đỗ *tú tài*.

Các ông tân khoa cử nhân được quan trường ban thưởng một bộ áo mũ, một cái lọng xanh, được mời ăn yến. Chờ đến năm sau đi thi hội.

2- Thi hội: Các ông cử nhân, tú tài, giáo thụ, huân đạo, được quyền ghi tên thi hội, tổ chức tại kinh đô.

Thi hội cũng chia ra làm 4 kì. Ai đủ điểm thì được vào thi đình.

3- Thi đình: đây là kì thi sau cùng để sắp hạng cao thấp, tổ chức tại sân trong cung điện nhà vua. Thi đình được nhà vua ra đầu bài và chứng kiến cuộc thi. Các quan trường chấm bài, đệ lên vua duyệt lại.

Điểm cao thì được đỗ *tiến sĩ*, thấp thì đỗ *phó bảng*. Đời Lê, ba ông tiến sĩ đầu đầu được gọi là *Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa*. Những người đỗ tiến sĩ được *xướng danh*. Tên tuổi, quê quán được ghi khắc vào *bảng vàng, bia đá*.

Các ông tân khoa tiến sĩ được nhà vua ban cho mũ áo, cân đai, được mời ăn yến. Các ông còn được cưỡi ngựa xem hoa ở vườn thượng uyển, dạo chơi thăm phố xá kinh kì.

Trong lúc các ông tân khoa còn vui chơi nơi cung điện, phố phường, thì các chức dịch ở làng được lệnh phải tổ chức đón rước các ông về *vinh quy bái tổ*.

"Đỗ tiến sĩ được nhà vua ban cho áo mũ xiêm ủng, và ban cho cờ biển vinh qui. Cả hàng tổng hoặc nơi trọng văn học thì cả hàng tỉnh phải đem đồ nghi trượng sự thần đi rước.

" Ông tân khoa tiến sĩ mặc áo thụng lam, cưỡi ngựa, che đôi lọng, cha mẹ, vợ và ông thầy dạy học mỗi người ngồi một cái võng trần, che một lọng rước vinh qui về làng, thiên hạ kéo nhau đi xem, lại vinh hiển hơn cử nhân nhiều"(4).

Nhiều người trong chúng ta còn nhớ đám rước *Thời trước*:

...Một quan là sáu trăm đồng
Chất chiu thàng thàng cho chồng đi thi
Chồng tôi cưỡi ngựa vinh qui
Hai bên có lính hầu đi dẹp đường
Tôi ra đón tận gốc bàng
Chồng tôi xuống ngựa cả làng ra xem...

Nguyễn Bính

Anh chồng trong câu chuyện tuy chỉ đỗ tú tài hay cử nhân, chị vợ chưa được ngồi võng, thế mà đám rước cũng đã có vẻ khá long trọng, có lính dẹp đường, có cả làng ra xem. Rước trạng nguyên, tiến sĩ chắc hẳn còn linh đình, rầm rộ hơn nhiều, có cả tông, cả tỉnh đi xem !

Kể từ kì thi *lều chông* đầu tiên tổ chức năm 1075, cho đến kì cuối cùng năm 1919, trong suốt gần 9 thế kỉ xã hội phong kiến Việt Nam đã tôn giới nho học lên hàng đầu tứ dân (sĩ, nông, công, thương), dùng khoa cử để tuyển chọn nhân tài. Các ông trạng, ông nghè (tiến sĩ), ông cử, ông tú chia nhau nắm giữ quyền hành. Trạng nguyên, tiến sĩ là biểu tượng của thành công, phú quý, là mẫu người lí tưởng của các chuyện cổ tích có hậu. Các ông thuộc tầng lớp cao nhất của giới quan lại.

Từ năm Bảo Thái thứ 2 (1721) về sau, "Duy có chức ngự sử là chức quan đứng đầu trong việc giữ phong hóa pháp điển, chức sứ thần là người có trách nhiệm ngoại giao, tất phải kén người đỗ tiến sĩ, quan tiến triều thì không được dự"(5).

Đời Lê, trạng nguyên được cấp 55 người tùy hành (những người hầu hạ, sai bảo), bâng nhân được 50 người, thám hoa chỉ được 45 người. Trạng nguyên, tiến sĩ còn được quyền chọn đất trong tổng để làm nhà.

Hàng huyện làm công, hàng tổng làm nhà

Chọn chỗ nào, hàng huyện phải cho người tới làm công, hàng tổng phải cất người tới đắp nền xây nhà tại chỗ đó. Đặc ân to lớn như vậy nên mới có cảnh:

Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng

Chưa đỗ tiến sĩ mà đã vậy, huống hồ đỗ trạng nguyên thì phải biết! Xem thế thì đủ thấy rằng các chức dịch trong làng, các quan lại địa phương dù có gian ác, hống hách đến mấy cũng chỉ dám bắt nạt, hà hiếp đám dân thường thấp cổ bé họng, chứ không ai lại đại dốt đưng vào gia đình, họ hàng các ông quan lớn tương lai của triều đình.

Cho dù có *điếc không sợ súng*, cũng chả có mèo già nào dám chơi trò *vuốt râu hùm*, ra ngồi cản đám rước vinh quy của vợ chồng quan trạng. Lớ quớ thì chỉ có nước tù một gông !

Nói rằng gia đình, họ hàng trạng chuột phải lo sợ, thấp thỏm, mắt lăm la lăm lét nhìn trước nhìn sau, đem lễ vật đi đút lót, hối lộ mèo già, là không có căn cứ. Có chăng là chính mèo già phải lo sửa soạn chạy chọt, đút lót gia đình, họ hàng quan trạng để được một chân *điều đóm* !

Chẳng lẽ người vẽ tranh *Trạng chuột vinh quy* lại tỏ ra không hiểu gì về uy quyền của quan trạng? Tôi không dám nghĩ có chuyện lạ như vậy!

Nhưng rõ ràng là tranh *Đám cười chuột* và *Trạng chuột vinh quy* đều không tả đúng tục lệ ngày xưa. Vậy phải hiểu tám tranh ra sao ?

Phân tích bố cục của tám tranh chúng ta thấy dường như tranh được chia thành hai phần, lần chia khá rõ nét :

- Nửa dưới vẽ một đám rước trạng nguyên vinh quy. Đoàn rước đi trên đường cái, hoặc đường làng đã được dọn sạch cỏ, có cờ biển, "ngựa chàng đi trước, kiệu nàng theo sau".

- Nửa trên vẽ một đám rước ở thôn quê, hai bên đường cỏ mọc. Đám rước có kèn trống, lễ vật, bị mèo già chặn lối.

Đám rước trạng nguyên được vẽ đúng như sách vở mô tả, dễ hiểu. Còn đám rước bị gặp khó khăn, thì thật là khó hiểu. Cảnh này xảy ra ở đâu ?

Trong kho tàng văn hoá truyền thống Liễu Đôi có bài thơ ngụ ngôn *Đám cười chuột* (6):

Mẹ chuột cũng quyết một lòng
Chỉ còn một nỗi sợ ông mèo già.
Mèo già tính khí la cà,
Này rước hàng hũ, này gả hàng con.
Ông mà đã nóng máu lên,
Thì thôi tan nát chả còn thứ chi!

...

Cười chuột thì thật là to,
Dây dài dây ngắn giảng bờ như nêm.
Bỗng dưng dừng lại phía trên,
Hai họ ngơ ngác ngó lên sự gì?
Một đàn mèo xám mặt bì,
Cầm dao, cầm gậy lại thì cản ngăn.
Mèo Già nhảy đến nhe răng:
- "Tao thì lột xác không thẳng nào tha!
Chúng mày ăn uống la đà,
A! Quân xỏ nõ, khinh già nhơn nhơn!"
Chuột Trùm mới vái lạy luôn:
- "Xin ngài độ lượng rộng lòng thương cho!
Sông sâu còn lúc vắng đò,
Bởi vì con trẻ biết lo liệu gì!
Mong ngài phù hộ độ trì,
Chúng con biết rõ mình thì thật hư!"

...

Một trời nước biếc non xanh,
Đàn chuột lũ lượt vòng quanh bờ dài.
Đi đầu là họ nhà trai.
Chú rể áo dài quần áo thướt tha.
Chuột Trẻ cho chí Chuột Già,
Những là áo lượt quần là tốt tươi.
Chuột Vàng dâng quả, đội cơi,
Miếng trầu thơm miệng đỏ môi họ hàng(...).

Nửa trên của tấm tranh chính là minh họa của phần đầu *Đám cưới chuột* này.

Nếu đúng là tấm tranh có hai phần như vậy thì chúng ta lại phải trả lời câu hỏi vì sao nghệ nhân lại vẽ hai đám rước khác nhau trên cùng một tấm tranh ?

Căn cứ vào lời chú trong tranh *Bằng Liệt tân khắc lão thử thủ tân* (Bằng liệt mới khắc lại chuột già lấy vợ), chúng ta được biết rằng tấm tranh này mới được khắc lại, không rõ năm nào. Đây chỉ là một trong số nhiều dị bản (Durand đưa ra 3 bản (1), Trung quốc có 4 bản (7), mới đây Nguyễn Đăng Chế lại "phục hồi vốn cổ", khắc thêm 1 bản). Các dị bản được nghệ nhân sửa đổi tùy hứng. Ngày nay chúng ta có tranh ghi bằng chữ hán, chữ nôm, chữ quốc ngữ.

Tôi cho rằng trong quá trình tái tạo, có nghệ nhân nào đó đã đem ghép hai tấm tranh cùng vẽ đám rước - rước dâu và rước vinh quy - để làm thành một tấm mới. Việc làm gán ghép này đã vô tình tạo ra một nội dung "đầu mèo đuôi chuột" khó hiểu. Các nghệ nhân đời sau tiếp tục chép lại tấm tranh ghép này, không thắc mắc gì cả.

Trường hợp ghép tranh như vậy còn được thấy ở tấm *Du Xuân đồ* trong sách của Durand (1). Ai đó đã ghép hai tấm tranh Tết biệt lập của bộ tranh Oger, đồng thời sửa đổi cả các câu thơ nôm của chính bản.

Chúng ta có thể tạm kết luận rằng tấm tranh Tết nổi tiếng của ta đã được ghép từ hai tấm tranh khác nhau, nửa trên là *Đám cưới chuột*, nửa dưới là *Trạng chuột vinh quy*. Các chữ trong tranh đã được người đời sau sửa đổi, thêm bớt một cách tùy tiện.

Tài liệu tham khảo

- 1-Maurice Durand,*Imagerie populaire vietnamienne*, EFEO,Paris,1960
- 2-Nguyễn Bá Vân-Chu Quang Trứ,*Tranh dân gian Việt Nam*, NXB Văn Hóa,1984
- 3-Toan Ánh,*Làng xóm Việt Nam*,NXB Xuân Thu,Hoa Kỳ
- 4-Phan Kế Bính,*Việt Nam phong tục*, NXB Tổng hợp Đồng Tháp,1990
- 5-Phan Huy Chú,*Lịch triều hiến chương loại chí (Quan chức chí)*, NXB Sử học,Hà Nội,1961
- 6-Bùi Văn Cường-Nguyễn Tế Nhị,*Khảo sát văn hóa truyền thống Liễu Đôi*, NXB KHXH,Hà Nội,1982
- 7-Văn Ngọc,*Tranh khắc gỗ dân gian*,Diễn Đàn số 88,Paris,1999

" Chơi Xuân " đã dễ mấy người...

Nguyễn Dư

Ngày xưa Xuân thăm quê tôi...

Mỗi năm hoa đào nở...

Khách tha hương chạnh nhớ Tết quê nhà. Nhớ tha thiết muôn vàn hình ảnh, hương vị. Nhớ những mẩu chuyện kỷ niệm của cha mẹ, ông bà kể làm quà cho con cháu.

"Ngày xưa Tết đến, làng ta tổ chức hội hè vui chơi. Muôn màu muôn vẻ...".

Một vài nét điển hình của hội hè cổ truyền ngày Tết đã được các nghệ sĩ dân gian trình bày cô đọng trong một tấm tranh với bài thơ nôm quen thuộc.

Đây là " một bức tranh dân gian làng Hồ, nhan đề Du Xuân Đồ (bức vẽ chơi Xuân) được "chú thích " bằng bốn câu thơ Nôm :

Thời bình mở hội Xuân

Nô nức quyết xa gần

Nhạc dâng ca trong điện

Trò thưởng vật ngoài sân " (1).

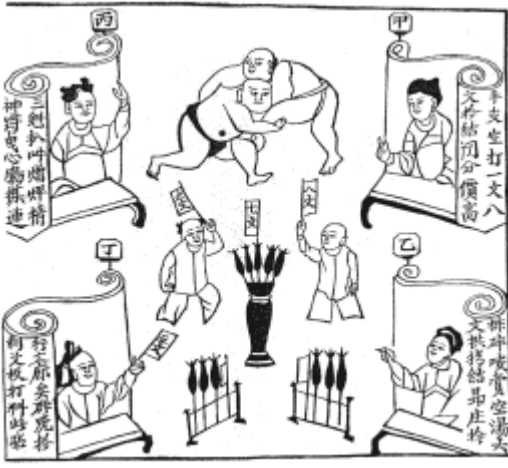
" Từ cảnh vui Xuân ngày Tết của tầng lớp vua quan, quý tộc, xa hoa ăn uống rượu chè, đàn hát phục dịch trong cung điện, đến những trò vui chơi của nhân dân : đánh vật, bắt chạch, đánh bài lấy giải ở ngoài sân đều được phản ánh trong tranh "Du Xuân đồ", kèm theo bốn câu thơ nôm phụ họa ở góc tranh :



Thời bình mở hội Xuân

...

Trò thưởng vật ngoài sân " (2).



"*Tranh Du Xuân Đồ* vẽ những cảnh vui chơi hội hè gồm có hát ả đào, đánh vật, đánh bài phu. Có bốn câu thơ đề vịnh (...)" (3).

Tám tranh *Du Xuân đồ* và bài thơ nôm nổi tiếng này được in trong sách *Imagerie populaire vietnamienne* của Maurice Durand (4).

Thoạt nhìn tám tranh, mới đọc bài thơ, khách thưởng lãm thích thú, sáng khoái ...

"*Bài thơ được minh họa bằng cảnh nhạc công và ca sĩ đang biểu diễn trước mặt hai ông quan ngồi (uống rượu) ở bàn. Hai ông*

chủ trì một cuộc thi hát, chấm điểm và trao tặng giải thưởng. Giữa tám tranh vẽ hai đô vật đang thi đấu. Phía trên bên trái, vẽ hai người đàn ông, có lẽ là hai người dự thi đấu vật, đang thò tay vào một chiếc bị. Bên trên hai người là hàng chữ "Hai ta quyết lấy giải làng".

Không biết có phải là chiếc bị dùng để bốc thăm tên đô vật hay là hai người này đang chơi trò chơi gì khác? Khó mà biết chắc được. Căn cứ vào mấy câu thơ nôm của tranh thì giả thuyết thứ nhất có vẻ thích hợp hơn."

(Pour illustrer ces vers nous voyons un musicien et un chanteur en action devant deux mandarins assis à une table. Ceux-ci sont juges des concours de chants et distribuent les récompenses. Au centre, des lutteurs combattent. En haut à gauche, deux hommes, probablement deux candidats au concours de lutte, plongent leurs mains dans un sac. Au-dessus d'eux sont inscrits les caractères

Hai ta quyết lấy giải làng

"Nous sommes tous deux décidés à gagner les récompenses du village."

Le sac contient-il les noms des adversaires qu'ils vont tirer au sort, ou bien le groupe de ces deux personnages fait-il allusion à un autre jeu, il est difficile d'en décider. La première hypothèse, prenant appui sur les vers inscrits en légende, semble la meilleure interprétation.) (4).

Qua mấy lời nhận xét trên đây của Durand thì tám tranh và bài thơ cũng có điều khó hiểu, cần được xem kỹ hơn?

Giả thuyết thứ nhất của Durand, cho rằng đây là hai đô vật đang bốc thăm, có nhiều điểm không hợp lý. Để ý một chút chúng ta sẽ nhận ra rằng tranh vẽ một chàng trai và một cô gái mặc yếm. Họ quàng vai nhau. Tay chàng trai có vẻ như đang sờ ngực cô gái. Hai người này khó có thể là đô vật được. Hơn thế nữa, câu *Hai ta quyết lấy giải làng* tỏ rằng họ thuộc về cùng một phe của trò chơi.

Để ý một chút thì ai cũng nhận ra đây là một cặp trai gái đang chơi trò "*quàng vai bắt chạch*". Durand đã lẫn lộn trò chơi này với trò đánh vật.

Điều làm cho Durand lúng túng có lẽ là vì bài thơ nôm chỉ nói đến ca hát, đánh vật, chứ không đề cập gì tới trò chơi bắt chạch và đánh bài phu?

Người vẽ đã vẽ thừa hay bài thơ còn thiếu chẳng ?

Thật ra thì ... không thừa mà cũng chẳng thiếu !

Sở dĩ có chuyện thơ không ăn khớp với tranh là vì tấm *Du Xuân đồ* của Durand không phải là một tấm tranh được sáng tác theo ý tác giả ban đầu của nó! Nghe như chuyện lạ, bông đùa. Nhưng đúng là chuyện thật. Tranh *Du Xuân đồ* của Durand đã được ghép từ hai tấm, tôi tạm gọi là tranh A và tranh B, của bộ sưu tập Henri Oger (5).

Bài thơ nôm *Du Xuân đồ* của tranh A như sau :

Thời bình mở hội Xuân
Nô nức *quyết* (a) xa gần
Nhạc dâng ca trong điện
Trò thưởng *cuộc* (b) ngoài sân

Bên dưới bài thơ là câu "Hai ta quyết lấy giải làng".

(a) Chữ *quyết* (quyết tâm, quyết chí ...) của tiếng Việt luôn đứng trước một động từ, thí dụ : quyết tranh đua lấy giải, quyết học hành đến nơi đến chốn v.v. Chữ quyết không thể đi với một trạng từ chỉ nơi chốn. Cụm từ "quyết xa gần " không có nghĩa.

Tôi đoán rằng chữ *quyết* (bộ băng hay bộ thủy) là do chữ *khoái* (bộ tâm) bị viết nhầm. (Bộ băng, bộ thủy, bộ tâm đứng, viết gần giống nhau). Chữ *khoái* được đọc sang chữ nôm thành *khấp*.

" Nô nức khắp xa gần " nghĩa là khắp mọi nơi đều nô nức. Câu thơ vừa đúng văn phạm vừa tả đúng không khí ngày hội, ngày Tết ở thôn quê. Các học giả sau này đều chép là "quyết xa gần", chép đúng cả cái sai, cái vô nghĩa của nguyên bản !

(b) Chữ *cục* (hán việt, nghĩa là một ván cờ, đánh bạc) chuyển sang nôm thành *cuộc*. Cuộc vừa có nghĩa là một ván, một bàn (chén rượu cuộc cờ, cuộc đồ đen), vừa có nghĩa là đánh cuộc, một hình thức đánh bạc (miền Nam gọi là đánh cá). "Trò thưởng cuộc ngoài sân" là trò chơi quàng vai bắt chạch, vừa có giải thưởng là bánh pháo treo đầu nhà, vừa là trò vui cho mọi người đánh cuộc với nhau. Cặp trai gái nào mà chả háo hức, tự nhủ phen này "hai ta quyết lấy giải làng".

Người ghép tranh Durand đã đổi chữ *cuộc* thành chữ *vật* cho hợp với trò đánh vật của tranh B. Thế là dùng câu thơ của trò chơi này gán cho trò chơi khác, nên mới vô tình gây ra tình trạng tranh và thơ không ăn khớp với nhau, khập khiễng khó hiểu.

Tranh B (nửa dưới của tranh Durand, từ đây viết tắt là tranh D) không có tên, vẽ cảnh đánh vật và bốn người đàn bà chơi bài phu, ngồi bốn cửa :

Bính Giáp

Đinh Ất

Mỗi cửa có hai câu thơ nôm trình bày diễn tiến của ván bài.

Cửa Giáp :

Bán chi không đánh nhất văn
Bát văn cầm kết *muôn* phần (c) giá cao

Cửa Ất :

Bài tôi ăn thưởng *không thang* (d)
Lục văn cũng nghĩ *kết ngang* (e) chẳng cầm

Cửa Bính :

Tam khôi bắt *kiệt* (g) tung bùng
Tinh thần đứng dậy (h) tâm trường múa lên

Cửa Đinh :

Hàng văn làng hầy còn *nhiều* (i)
Cầm chơi một ván đánh liều thử xem

(c) Tranh D : *bá* phần. Muôn phần, hay muôn vản thông dụng và nghĩa rõ hơn là bảy phần.

(d) Durand giải thích rằng *không thang* nghĩa là không có quân *thang thang* (*Mes cartes ne présentent point de* thang). Nếu đúng như vậy thì câu thơ sáu chữ được hiểu là "bài của tôi được ăn thưởng vì nhờ không có quân thang thang". Điều này cũng có nghĩa gián tiếp là bài có quân *thang thang* thì bị phạt hay không được ăn ? Không có quân bài nào lại tai hại đến mức như vậy !

Thực ra thì Durand quên rằng chính ông đã cho biết rằng *không thang* là tên quân bài thường được gọi là *thang thang* (6). Cô bài tổ tôm, cũng dùng để chơi bài phu, gồm có :
- Hàng *sách*, có các quân không thang hay thang thang, nhất sách ... cửu sách.
- Hàng *vạn*, có các quân bách vạn hay ông lão, nhất vạn ... cửu vạn.
- Hàng *văn*, có các quân bán chi hay chi chi, nhất văn ... cửu văn.
Câu thơ trong tranh muốn nói rằng "bài của tôi được ăn thưởng nhờ có quân không thang".

Xin mở dấu ngoặc để nói thêm rằng hai tiếng *Tổ Tôm* là đọc trại từ *Tụ Tam* (ba quân bài để làm thành một phu).

Nhân sinh quý thích chí

Chẳng gì hơn vui cuộc *tụ tam*

(Nguyễn Công Trứ, 1778-1859)

Bực chẳng nhẽ anh hùng khi vị ngộ

Như lúc đen chơi cuộc *tổ tôm*

(Trần Tế Xương, 1869-1906)

Tụ Tam biến thành Tổ Tôm. Tổ Tôm là ... Nid de crevettes (6). Ngày xưa người ta "Đố ai biết đâu là tổ con chuồn chuồn", ngày nay có thể thêm "Đố ai biết đâu là tổ con tôm" !

(e) *Kết ngang* : ba quân bài cùng bậc của ba hàng, thí dụ lục văn, lục sách, lục vạn.

(g) Tranh B viết chữ *hồng* (thần chú bằng tiếng Phạn (Thiền Chữ), như trong câu Úm ma ni bát minh hồng). Chữ hồng âm nôm có thể đọc là hồng (?). Nhưng bắt hồng hay bắt hồng đều không hợp nghĩa. Tôi cho rằng đây không phải là chữ hán, người viết dùng

một nửa chữ *kiệt* và bộ khẩu để viết chữ nôm *kiệt*.

Quân bài kiệt (hay cạn), tức là quân bài hiếm. " *Đánh tổ tôm, nước ăn, nước bốc cũng lắm nước cao, mà được trúng ý mình thì thích chí lắm. Có lúc bốc được những con bài kiệt thì sướng vô cùng, cho nên có câu rằng : "thiên tử bất như tứ vạn"* (7). ù tam khôi (bài vừa có tôm, vừa có lèo) ăn rất lớn. Chờ quân bài kiệt để được ù tam khôi mà tinh thần nôn nao như chỉ chờ đứng dậy, tâm trường bị kích thích tưởng chừng như muốn múa lên !

(h) Tranh D : bắt *ngổ*. Chữ ngổ (nôm) được viết bằng chữ *ngộ* (hán việt). Bắt ngổ nghĩa là làng đánh ra bất cứ quân gì mình cũng ăn được.

(i) Tranh D : *Mừng bỏ* đứng dậy. Ván bài chưa xong, còn đang chờ *bắt ngổ* thì làm sao có thể *mừng bỏ đứng dậy* được ? Hai câu thơ của tranh D ý không thông.

(j) Tranh D : còn *cầm*. Hai câu thơ không hợp vần.

Tranh dân gian, đặc biệt là tranh Tết, từ xưa đến nay được nhiều người ưa thích.

Các nghệ nhân một mặt phải cố gắng sáng tác tranh mới, mặt khác phải lo phục hồi vốn cổ, khắc lại những tấm ván tranh bị mòn hỏng, để bảo đảm cho dòng tranh được tiếp nối liên tục.

Phục hồi vốn cổ là việc làm đáng được biểu dương, cổ vũ nhưng đồng thời nó lại hay gây ra tình trạng "tam sao thất bản", "râu ông nọ cắm cằm bà kia", như trường hợp tấm *Du Xuân đồ* được nói tới trong bài này.

" Chơi Xuân" đã dễ mấy người... biết tranh ?

Thói quen tùy tiện sửa đổi thơ, thậm chí thay đổi cả bố cục của tranh thường chỉ làm giảm cái hay của thơ, làm mất cái đẹp hài hòa của tranh.

Nguyễn Dư
(7/11/2000)

(1) Trần Quốc Vượng, *Hội hè dân gian*, Nguyệt San *Trăm con*, số 8, Canada, 1993.

(2) Nguyễn Bá Vân - Chu Quang Trứ, *Tranh dân gian Việt Nam*, tr. 71, Văn Hóa, 1984.

(3) Nguyễn Bá Lăng, *Tranh Tết*, trong *Phong tục Tết Việt Nam và các lân bang*, Đông Nam Á, Paris, 1986.

(4) Maurice Durand, *Imagerie populaire vietnamienne*, EFEO, tr. 48, Paris, 1960.

(5) Henri Oger, *Technique du peuple annamite*, Hà Nội, 1912.

(6) Pierre Huard, Maurice Durand, *Connaissance du Vietnam*, tr. 244, EFEO, Paris, 1954.

(7) Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, tr. 353, Tổng hợp Đồng Tháp, 1990.

Đôi lời tâm sự

Nguyễn Dư

Nhiều người đã nghe nói, đã được biết bộ tranh Oger.

Bộ tranh được in trên giấy dó khổ lớn 65 x 42 cm, dày 700 trang và được xuất bản tại Hà Nội năm 1909. Đây là một bộ ký họa gồm hơn 4500 bức vẽ, trong đó có 2529 bức có người. Kích thước các tranh không đều, có vài tấm chiếm hết mặt giấy, nhiều tấm chỉ lớn không quá 4 cm. Số lượng ấn hành rất hạn chế : chỉ được 15 bộ. Mỗi bộ được đóng thành 7, 8 hay 10 quyển. Hiện nay chỉ mới thấy có 2 bộ tại Việt Nam và 1 bộ tại Pháp (bộ này thiếu 50 trang).

Trong nước đã có nhiều người quan tâm tới bộ tranh này. Thư Viện Trung Ương Hà Nội đã chụp vi phim năm 1979, Thư Viện Khoa Học Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh chụp vi ảnh năm 1975. Năm 1962 Viện Khảo Cổ Sài Gòn cũng đã chụp vi ảnh.

Vi phim và vi ảnh rất tiện lợi cho việc lưu trữ, bảo quản nhưng đồng thời cũng rất phiền toái cho việc tham khảo, khai thác tranh.

Tri Thức Bách Khoa (Viện Từ Điển Bách Khoa) đã giới thiệu một số tranh. Nhưng vì điều kiện vật chất quá thiếu thốn nên các bức vẽ chỉ được can lại với ít nhiều trung thực. Nguyễn Mạnh Hùng (Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ 20, Trẻ, 1989) cho đăng ký làm đề tài nghiên cứu bộ tranh, đề nghị ngành mỹ nghệ sơn mài khai thác một số tranh.

Tình cờ tôi được xem một bộ tranh Oger bằng âm bản cỡ 3,5 x 5,2 cm chụp trên phim 6 x 9 cm. Chỉ nhớ mang máng là hôm ấy thích quá, tôi bị những tấm âm bản thôi miên, lôi cuốn đến...nổi da gà !

Phản ứng đầu tiên của tôi là xin phép được phóng lớn mấy tấm tranh gà, tranh lợn quen thuộc, treo chơi trong nhà. Ảnh rửa ra rồi mới thấy chưa được hoàn toàn vừa ý. Một phần vì vật liệu, một phần vì kỹ thuật in nên có rất nhiều nét bị gãy, nhiều chỗ mực bị mờ, bị mất. Phải tu sửa thêm. Dùng mực đen tô những nét bị hư hỏng, bị mờ, dùng màu trắng bôi xóa những vết lem của in ấn.

Sau gà, lợn, tôi tò mò khám phá thêm leo dứa, đánh vật, tổ tôm xóc đĩa... Phóng thêm vài tấm. Có thêm vài tấm nữa...

Bụng bảo dạ xong mấy tấm này thì ngừng. Khổ một cái là ngừng thì lại thấy tiếc, thấy ngứa tay muốn có làm thêm.

Thế rồi cứ hết thêm lại có, có xong lại thêm. Rốt cuộc thêm với có đến...hết cả bộ tranh.

Không ngờ tôi đã lần mò trong buồng tối, giữa thanh thiên bạch nhật, hết sờ soạn cái máy phóng nhà nghề, lại đến hiện với hãm, rồi rửa cho sạch, phơi cho khô, rồi lại phải tô điểm, tẩy xóa, cứ như vậy trong suốt một thời gian dài hơn 10 năm. Sở dĩ lâu như vậy vì đây chỉ là thú vui nằm ngoài những lúc kiếm cơm (mặc dù giờ giấc nhà giáo công chức đôi lúc, đúng hơn là nhiều khi cũng lỏng lẻo). Mỗi tấm tranh được phóng lớn ra giấy ảnh (tấm nào nhiều chi tiết thì phóng ra 21 x 29, đơn giản thì 9 x 12 cm). Tu sửa xong tôi cẩn thận chụp lại tấm tranh hoàn chỉnh bằng phim đặc biệt để có một âm bản cỡ 24 x 36 mm.

Bên cạnh bộ âm bản tôi làm thêm một bộ tranh 9 x 12 cm, đóng thành tập (khổ A4, mỗi trang 4 tranh) để tiện tra cứu, ngắm nghía cho vui.

Một điều không ngờ khác là bộ tranh tôi khai thác bị thiếu, bị mất một số trang. Thế mới gay, làm thế nào để bổ sung đây ? Bây giờ tôi vẫn còn tự trách mình đã vụng về, thiếu khôn khéo ngoại giao, có thể còn nhiều yếu kém khác mà chính mình chưa biết, để đến nỗi vấp phải nhiều khó khăn như vậy. Cũng may là sau nhiều năm kiên trì đeo đuổi vừa đi xin, đi mượn (rất trơ trẽn, vô duyên, chả ai thèm...), vừa đi mua (tuy biết rằng mua bán văn hóa là không nên), sau cùng là nham nhở đi nhờ (thì ra giữa thời buổi kinh tế thị trường tình bạn tuy hiếm nhưng vẫn còn), rồi đâu cũng vào đấy. Cuối cùng tôi cũng có được những trang bị thiếu. Chỉ tiếc rằng đã mất cả chục năm chờ đợi. Thời gian chờ đợi dài ngang với thời gian làm việc (hữu ích ?).

Nhiều lúc chán nản, mệt mỏi, muốn bỏ rơi bộ tranh, nhưng rồi lại nghĩ người xưa đã có công, nay mình chỉ tiếp tay vớ vẩn, ăn thua gì ! Thế là lại tiếp tục lủi thủi...vác ngà voi !

Bao nhiêu bận đọc hôm nay xin gác qua một bên để báo tin vui, để khoe với bạn bè rằng tôi đã hoàn thành việc chuyển hơn 4000 tấm tranh lớn nhỏ khác nhau của bộ tranh Oger ra âm bản 24 x 36 mm và ra tranh dùng liền 9 x 12 cm (ta đã có món mì ăn liền, vậy tạm đặt tên tranh dùng liền cho món ăn tinh thần này). Bộ tranh mới này gọn gàng, sạch sẽ, rõ ràng và dễ tham khảo. Nhưng điều quan trọng nhất mà tôi muốn nhấn mạnh là *các tranh vẫn giữ được trọn vẹn nét vẽ của các nghệ sĩ dân gian*.

Công việc tu sửa, thay đổi kích thước tranh của bộ tranh dân gian Oger, vừa được làm xong. Tuy lâu và tốn kém, nặng về kỹ thuật nhiếp ảnh, nhưng xét cho cùng thì cũng tương đối dễ. Giai đoạn tiếp theo có thể còn khó hơn và cần phải làm càng sớm càng tốt. Tôi nghĩ đến vài việc như :

- dịch tên tranh ra nhiều thứ tiếng và phổ biến rộng rãi bộ tranh tới nhiều người, trong và ngoài nước.
- sắp xếp tranh theo đề tài, có thứ tự.
- lập bảng mục lục để tìm kiếm cho dễ.
- khai thác kho chữ nôm bình dân của bộ tranh để tìm hiểu đời sống xã hội và một số phong tục xưa của ta.

Có người hỏi : *làm để làm gì ?* Xin tâm sự : *Thích thì làm, ngoài ra thì...chả làm gì cả.*

Nguyễn Dư
(Lyon, tết Tân Tỵ 2001)

Chép thơ là để xin lỗi đời (*)

nếu chụp được thần thông
tôi sẽ không chơi phí
đi mây về gió
qua sông cộng cỏ
nếu có
được thần thông tôi sẽ mở sọ những bồ già
(những triều thơ già từ thuở mới sinh)
cài con vi-rút uy linh
gặm cha các lỗ rún thần thoại
các tập tục nhai lại
các thành kiến kềm gai
các điệu nhảy *Mộthai*
(một tiến hai lùi)

*

ui cha nếu tôi có được thần thông
sẽ tự mở sọ mình
cấy vào con bộ sành vật (?)
chuyên áo đường ướp mật câu thơ trọc phú vắn vèo
(ây ! ăn phở bỏ thêm tương ngọt)
hay lấp con bộ chó sanh giặc làm trò (?)
xuống hàng _____ bỏ
khoảng __hoạn__ vắn
(đã *nạmgàutái* lại vùi thêm thìa béo bò điên)

*

xâm trung niên
thả tàu một mình Đêm Biển
xin lỗi
tôi không ăn mặn lắm 100 mét éch
không những bếp núc Thơ
mà cả ngoài đời !

_ 21.1.2001 _

(*) và ... than thở với bạn bè.

Mộc Lan trái mùa

magnolia tím
cổng chùa bàng hoàng nghe xót :
cuối mùa xa Thơ

Vô hình trung

không là *nhàtholớn*
sao cứ thềm hai lần
tắm một dòng thơ
một dòng thơ *khôngcònbé*
một dòng thơ tự gõ cửa mình
cửa thơ cửa thiên
dĩ nhiên
đều cần cái quả lắc !

fév 2001

Tâm kinh / Đạo ông bà

tôi thích đá cá lặn dưa
trèo dừa lắc bí
tôi thích thọc bị bánh xe
hát bè lĩnh xướng
tôi thích qua đường như phường phải gió
bỏ nhỏ bộ hành
tôi thích nói hành nói tỏi
ăn xổi ở thì
tôi thích tiếng chì tiếng bắc
miệng phật tâm xà
tôi thích chà-và ma-ní
kỳ tây thị ta
tôi thích la cà mách lẻo chỉ tay hủy báng
tôi thích tôi tôi thích tôi tôi thích ghê !
đó là lúc thơ lên đồng # A4
ngoài đời
năm tháng còn lại
xin được yêu như sống :
- làm lành lánh dữ

Fév 2001

Sang (Từ Lữ Đừ)

Thế hệ thứ hai

Nguyễn Hồi Thủ

Cháu vừa ba tuổi
Cái mồm be bé
Cái má bầu bầu
Cái tóc búp-bê
Mỗi lần gặp cháu
Tôi không ngăn được
Bàn tay xoa đầu
Tôi không cầm được
Cái hôn lên má
Bồ quân đỏ au.

Cháu đang học nói
Pha cả tiếng tây
Pha cả tiếng ta
Tôi thường hỏi cháu
Cháu là người gì ?
Quê cháu ở đâu ?
Cháu dơ răng thỏ
Lúng túng hồi lâu
Rồi cháu lắc đầu
Trông thương thương quá
Đúng là Việt Nam !

Cháu mới lên ba
Giống như thống nhất
Giống như hòa bình
Gởi đến nhà trẻ
Ai cũng bảo xinh.

Giờ cháu lên sáu
Đã biết giúp mẹ
Bưng khay bưng thau
Lại biết đọc sách
Tiếng tây lâu lâu
Tóc còn búp-bé
Má vẫn bầu bầu
Tôi vẫn hỏi cháu
Cháu là người gì ?
Quê cháu ở đâu ?
Cháu thường nhanh nhẩu
Đáp bằng tiếng tây

Cháu người Việt Nam
Quê ở Nha Trang
Nhìn môi cháu nói
Nhìn miệng cháu cười
Tôi có cảm tưởng
Cháu muốn bảo tôi :
Cháu thương chú quá
Nói cho chú vui
Chứ cháu biết rồi !

Cháu lên bảy tuổi
Một thế hệ mới
Sinh ở nước ngoài
Xa rồi nghèo đói
Xa rồi chiến tranh
Đi ra ngoài đường
Ai cũng bảo xinh.

Orléans, đầu hè 1982.

Đây thôn Vĩ-Già

Sao anh không về chơi thôn Vĩ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...
Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay ?

Mơ khách đường xa, khách đường xa,
Áo em trắng quá nhìn không ra ...
Ở đây sương-khói mờ nhân-ảnh,
Ai biết tình ai có đậm-đà ?

Hàn Mặc Tử

[^]

Nguyên đán

Xuân của đất trời nay mới đến;
Trong tôi, xuân đến đã lâu rồi :
Từ lúc yêu nhau, hoa nở mãi
Trong vườn thơm ngát của hồn tôi.

Xuân Diệu

[^]

Nhạc Xuân

Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Xuân đã sang đò nhớ cố nhân
Người ở bên kia sông cách trở
Có về Chiêm Quốc như Huyền Trân ?

Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Phơi phới mưa sa nhớ cố nhân

Phận gái ví theo lề ép uống
Đã về Chiêm Quốc như Huyền Trân ?

Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Lãng lã đường xa nhớ cố nhân
Nay đã vội quên tình nghĩa cũ
Mà về Chiêm Quốc như Huyền Trân ?

Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Một cánh đào rơi nhớ cố nhân
Cung nữ như hoa vườn Thượng uyển
Ai về Chiêm Quốc với Huyền Trân ?

Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Rượu uống say rồi nhớ cố nhân
Đã có yêu nhau là đến thế
Đừng về Chiêm Quốc nhé Huyền Trân ?

Đừng về Chiêm Quốc nhé Huyền Trân
Ta viết thơ này gửi cố nhân
Năm mới tháng giêng mồng một tết
Còn nguyên vẹn cả một mùa xuân.

Huyền Trân ơi !
Mùa xuân, mùa xuân, mùa xuân rồi\.
Giờ đây chín vạn bông trời nở
Riêng có tình ta khép lại thôi !

Nguyễn Bính

[\[^\]](#)

Tây tiến

Sông Mã xa rồi Tây tiến ơi !
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

Anh bạn dãi dẫu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời !

Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người

Nhớ ôi Tây tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

Tây tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu, anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành

Tây tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

-- Phù Lưu Chanh, 1948

Quang Dũng

[^]

Xuân

Tôi có chờ đâu, có đợi đâu
Đem chi xuân lại gợi thêm sầu ?
Với tôi, tất cả như vô nghĩa
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau !

Ai đâu trở lại mùa thu trước
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng ?

Vội của hoa tươi, muôn cánh rã,
Về đây đem chấn nẻo xuân sang !

Ai biết hồn tôi say mộng ảo
YU thu góp lại cảnh tình xuân ?
Có một người nghèo không biết tết
Mang lì chiếc áo độ thu tàn !

Có đứa trẻ thơ không biết khóc
Vô tình bỗng nổi tiếng cười ran !

Chao ôi ! mong nhớ ! Ôi mong nhớ !
Một cánh chim thu lạc cuối ngàn.

Chế Lan Viên

[\[^\]](#)

Xuân

Luống đất thơm hương mùa mới dậy,
Bên đường chân rộn bước trai tơ.
Cây xanh cành đẹp xui tay với;
Sông mát tràn xuân nước đậm bờ.

Ồ những người ta đi hóng xuân;
Cho tôi theo với, kéo tôi gần !
Rộn ràng bước nhịp hương vương gót,
Nhựa mạnh tuôn trào tưởng dính chân.

Bắt gặp mùa tươi lên rún rẫy,
Trong cảnh hoa trẻ, cổ chim non.
- Có ai gửi ý trong xuân cũ,
Đất nở muôn xuân vẫn chẳng mòn.

Huy Cận

[\[^\]](#)

Xuân Về

Tặng chị Tr.

**Năm vừa rồi
Chàng cùng tôi
Nơi vùng Giáp Mộ
Trong gian nhà cỏ
Tôi quay tơ,
Chàng ngâm thơ
Vườn sau oanh giục già,
Nhìn ra hoa đua nở
Dừng tay tôi kêu chàng
Này, này ! bạn ! xuân sang
Chàng nhìn xuân mặt hớn hờ
Tôi nhìn chàng lòng vồn vã ...**

**Rồi ngày lại ngày
Sắc màu: phai
Lá cành: rụng
Ba gian: trống
Xuân đi
Chàng cũng đi.
Năm nay xuân còn trở lại
Người xưa không thấy tới .**

Lưu Trọng Lư

Rằm tháng Giêng

GS Hoàng Như Mai

Nhân dân ta có câu : "Đi lễ quanh năm không bằng ngày rằm tháng Giêng", vì ngày rằm tháng Giêng, người ta đi lễ chùa rất đông vui. Theo tục lệ, Tết là mở đầu cho một năm mới, rất quan trọng đối với cả một năm; ngày Tết người ta cầu chúc cho nhau những điều tốt lành với niềm tin là sẽ đạt được những điều ấy. Ngày mùng một tháng Giêng mọi người ở nhà lễ gia tiên, ăn Tết, kiêng không xuất hành. Cho nên, đến ngày rằm người ta đi chùa, lễ Phật, cầu mong Phật phù hộ độ trì để quanh năm bình yên; và cũng tin rằng những lời thành tâm ấy được chứng giám.

Nhà thơ Hồ Dzếnh có sáng tác một bài thơ như sau :

Rằm Tháng Giêng

Ngày xưa, còn nhỏ, ngày xưa,
Tôi đeo khánh bạc lên chùa dâng nhang.
Lòng vui quần áo xênh xang,
Tay cầm hương nến, đỉnh vàng mới mua.
Chị tôi vào lễ trong chùa,
Hai chàng trai trẻ khăn đùa hai bên :
"Lòng thành lễ vật đầu tiên,
Cầu cho tiểu được ngoài giêng đất chồng"
Chị tôi phụng phịu má hồng,
Vùng vằng suýt nữa quên bông cả tôi.
Tam quan ngoài mái chị ngồi.
Chị nghe đoán thẻ chị cười luôn luôn :
"Quê thân thách mách mà khôn,
Số nàng chồng đất mà con cũng nhiều".
Chị tôi nay đã xé chiều,
Chắc còn nhớ mãi những điều chị mơ.
Hằng năm tôi đi lễ chùa,
Chuông vàng, khánh bạc ngày xưa vẫn còn.
Chỉ hơi thấy vắng trong hồn,
Ít nhiều hương phấn khi còn ngây thơ.
Chân đi đếm tiếng chuông chùa,
Tôi ngờ năm tháng ngày xưa trở về.

Tác giả Hồ Dzếnh là một nhà thơ, nhà văn có tên tuổi. Bài thơ Rằm tháng Giêng chứa đựng một tình cảm trong sáng nhẹ nhàng. Đây là một trong những sáng tác của Hồ Dzếnh được nhiều độc giả thưởng thức và thuộc từ hơn nửa thế kỷ qua.

Giá trị đặc sắc của bài thơ là ở những điểm sau :

1. Bài thơ thể hiện các tục lệ "ăn Tết" nhiều ý nghĩa và đậm đà bản sắc dân tộc của người Việt Nam ta. Đó là một thuần phong mỹ tục. Trong bài thơ này, qua một sự việc giản dị, có tính chất rất phổ thông là việc cô thiếu nữ đi lễ chùa ngày rằm tháng Giêng, tác giả giới thiệu đặc trưng của văn hóa truyền thống và tâm lý con người Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam ưa cuộc sống hiền lương, hướng thiện; họ biết dung hợp với thiên nhiên chung quanh; họ tin cậy ở đức hóa sinh của Trời Đất; họ nuôi trong tâm trí những niềm hy vọng lạc quan và họ theo đuổi những nguyện vọng hợp lý. Câu chuyện dẫn ra trong bài thơ, giống như một bức tranh dân gian đơn sơ, giản dị. Nó nói lên đầy đủ cái tính cách Việt Nam : mùa đông đi qua, mùa xuân vừa tới. Thiên nhiên và con người bước sang một chu kỳ mới, cô thiếu nữ thấy nảy nở trong lòng niềm vui hồn nhiên trong

sáng, niềm tin vào tương lai. Cô cùng em nhỏ đi lễ chùa, thành kính cảm ơn Trời Phật và cầu nguyện Trời Phật phù hộ độ trì cho cô. Bức chân dung "thiếu nữ ngày xuân đi lễ chùa" ấy đẹp một vẻ đẹp mộc mạc, thanh tú biết chừng nào! Cuộc sống tưởng chừng như đơn sơ, tẻ nhạt ấy thật ra rất thanh khiết và thuần nhã, như hoa sen mọc trong đầm mà toả hương thơm mát lòng người.

2. Đạo Phật từ lâu đã hiện hữu trong xã hội Việt Nam, hòa quyện vào tâm hồn Việt Nam thành một tổ chất tự nhiên của cuộc sống. Có lẽ cô thiếu nữ không suy nghĩ toan tính sâu sắc gì nhiều, đưa em nhỏ lại càng không. Ngày xuân, hòa nhịp với cuộc sinh thành vô tận của vũ trụ và nhân sinh, hai chị em khắp khởi niềm vui trong lòng và hớn hở đi lễ chùa cầu Phật.

Ngôi chùa, biểu hiện của đạo Phật, trong ý thức của hai chị em là một nơi đông đúc, vui vẻ, thú vị. Đó chính là hình ảnh của đạo Phật trong dân gian Việt Nam. Đạo Phật không phải là những giáo điều khô khan xa vời, đạo Phật không phải là sự tu hành khắc khổ, công thức, giả tạo; đạo Phật là gần gũi, là thân mật, là ân cần, là bao dung "Khấn sao được vậy như lòng thế gian".

Cái quan niệm dân gian hóa - nếu có thể nói thế được - không sơ lược hóa, không thực dụng hóa đạo Phật mà chỉ tăng tính phổ cập, tăng sức sống cho đạo Phật, như truyện Nam Hải Quan Thế Âm đã nói :

Có thân ngồi núi Phật Đà,
Thân lên trên Phật, thân qua dưới đời.
Thần thông nghìn mắt, nghìn tay,
Phổ môn hiện để độ loài ngu mê.

Đưa trẻ nhỏ "Đeo khánh bạc lên chùa dâng nhang - Lòng vui quần áo xênh xang - Tay cầm hương nén, đỉnh vàng mới mua", cô thiếu nữ "Tam quan ngoài mái chèo ngồi - Chị nghe đoán thế chị cười luôn luôn" biểu thị sự thuần phác, nhân hậu, lòng mộ đạo hồn nhiên ấy.

3. Đáng chú ý nhất là đoạn kết của bài thơ. Nhà thơ nhớ và kể lại một hồi ức của tuổi thơ. Các hồi ức về quá khứ thường là nhuộm màu u hoài. Nỗi u hoài ở đây là một nỗi buồn man mác. Cô chị thì :

Chị tôi nay đã xé chiều,
Chắc còn nhớ mãi những điều chị mơ.
Còn đưa em - nay là nhà thơ, thì :
Chỉ hơi thấy vắng trong hồn,
Ít nhiều hương phấn khi còn ngây thơ.
Tại sao có nỗi buồn ? Ấy là vì nhớ, tiếc quá khứ.

Cô thiếu nữ đã mơ những điều gì ? Những điều mơ ấy đủ đạt được, đạt nhiều hoặc ít, thì nay cũng qua cả rồi. Chị tôi nay "đã xé chiều" tức là già rồi, tuổi xuân qua rồi nên buồn bã nhớ tiếc.

Chính vấn đề là ở chỗ đó. Bởi vì cô thiếu nữ ngày trước ấy cho mơ là thật, nên cô tiếc. Nếu cô hiểu rằng :

Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không
(Chinh phụ ngâm)

thì cô sẽ bình tĩnh hơn.

Đạo Phật cho rằng : cuộc đời là ảo mộng, mọi sự đều là giả. Cho nên những điều mơ của cô thiếu nữ chỉ là *mơ* trong *mơ* . Giả thiết có điều nào thực hiện được thì cũng là *thực* trong *mơ* mà thôi.

Tôi còn nhớ một vị Hoà thượng đã nói :

"Từ con người cho đến sự vật chung quanh mình đều theo dòng thời gian mà biến đổi. Thân mình, và ngoại cảnh là không gian, ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai là thời gian, Tất cả là một dòng mộng có gì đâu thực là mình ?"

Nhưng hiểu như thế có khiến cho người đời hoài nghi bị quan, tiêu cực không ?

Vị Hòa thượng nói tiếp :

"Nhưng nhờ phúc duyên lành, chúng ta được Đức Phật chỉ cho trong cái mộng ấy có cái không phải là mộng. Mà cái đó là cái hiện giờ chúng ta đang trở về, đang theo dõi nó và tìm thấy nó để sống với nó"

".. Nếu chúng ta sống với tâm niệm thiền thì mới thấy rằng trong cái sinh, diệt ảo mộng còn có cái không sinh diệt lẫn trong ấy. Thế nên lòng mình được an ổn, tự tại và vui vẻ. Chỉ thấy được một tí, một khía cạnh nhỏ xíu nào của cái đó, chúng ta cũng cảm thấy hứng khởi, một niềm vui vẻ để xoa được nỗi đau buồn"

Giá trị tích cực, giá trị nhân văn của đạo Phật là như thế. Điều mà hoà thượng nói trên, chúng ta đã thấy được trong bài thơ Rằm Tháng Giêng.

Nhà thơ Hồ Dzếnh, hoài niệm quá khứ, có vương vấn, có băng khuâng, có nhớ tiếc :

Hàng năm tôi đi lễ chùa,
Chuông vàng, khánh bạc ngày xưa vẫn còn.
Chỉ hơi thấy vắng trong hồn.
Ít nhiều hương phấn khí còn ngây thơ.

Ấy cũng là vì ngộ nhận cái *giả* là *thực*. Nhưng, có sự xuất hiện của tiếng chuông chùa :
Chân đi đếm tiếng chuông chùa,
Tôi ngờ năm tháng ngày xưa trở về.

Câu thơ cho thấy sự thư thái, trấn tĩnh trở lại trong tâm hồn nhà thơ. Phải chăng "năm tháng ngày xưa trở về" với nhà thơ ? Làm sao như thế được ! Năm tháng ngày xưa đã đi qua, đã mất, trở về sao được ! Ấy là vì nhà thơ lắng nghe từng tiếng chuông chùa, tiếng chuông đã gọi lại cái *Phật tính* vốn có trong nhà thơ và cái tâm của nhà thơ trở nên thanh thản, vô tư, hồn nhiên như cái tâm của trẻ thơ đầy thôi.

GS Hoàng Như Mai

Bút máu

Vũ Hạnh

Lương Sinh người ở Mân Châu, con nhà thế phiệt, nổi tiếng thông minh đỉnh ngọ từ khi tóc để trái đào. Lên tám đã giỏi thơ ca, từ phú, ai cũng ngợi khen là bậc thần đồng. Lên mười có bài "Tơ liễu trong trăng" được tán thưởng nhất mấy câu :

"Trăng cũ phô đầu bạc
Liễu tơ chuốt mi dài
Trăng, liễu xa ngàn dặm
Một tối hẹn vườn ai".

Năm lên mười hai, gặp thời loạn ly, cha mẹ đều bị giặc giết, Sinh sầu thảm mấy tháng liền, mất ăn mất ngủ lại thêm căn tạng yếu đuối nên lâm bệnh nặng, thần kinh hốt hoảng luôn luôn giết mình, nằm mơ thấy toàn máu lửa, sọ xương. May có người cậu đem về săn sóc đêm ngày. Sau nhờ đạo sĩ họ Trình ở núi Hoa-duyên cho bài Hi-di Ninh-thần dùng toàn thảo tùy một giống Bạch-hầu trong núi Nga-lâm, uống thuần với nước viễn chí nên được lành bệnh, tâm thái trở lại an tĩnh, điều hòa. Khi lên mười lăm, Sinh được người cậu gọi đến Lã Công, một quan Thủ-hiệu bãi chức từ lâu, ở nhà mở trường dạy võ. Sinh học rất chóng, nửa năm đã lâu thông cả mười hai môn võ bí truyền của nhà họ Lã. Lã Công quý mến, một hôm lấy thanh bảo kiếm của mấy mươi đời họ Lã lập công trao cho luyện tập. Giữa buổi, Sinh đang múa kiếm bỗng dừng phắt lại, đưa kiếm lên ngửi rồi cau mày, kêu lên:

- Máu người tanh quá!

Đoạn đem thanh kiếm nộp trả, cáo từ mà về.

Đến nhà, lay cậu thưa lên:

- Võ nghệ không phải là con đường cháu nên theo. Máu người chảy trong cơ thể thực quý vô cùng nhưng dính ra ngoài lại quá hôi tanh. Kẻ cầm lưỡi dao tròn đời sao cho khỏi đổ máu người! Điều tàn nhẫn ấy cháu không làm được.

Người cậu giận lắm, bảo rằng:

- Mày thực cặn nghĩ, phụ cả lòng ta trông đợi lâu nay. Đành rằng máu người là quý, nhưng để máu ấy chảy trong đầu bọn ác nhân thì càng tác quái cho người, lại càng có tội!

Lương Sinh cúi thưa:

- Ai cũng cho mình là phải, lấy đâu để nói xấu tốt rõ ràng? Làm thiện một cách hăm hở mà không ngờ rằng đây là điều ác, lại càng có tội vì đã lừa mình, lừa người. Trộm nghĩ binh đao là nghề dứt khoát, cháu chưa dứt khoát trong người, tự thấy không dám theo đuổi.

Cậu nói:

- Hoài nghi như thế, e rồi không khéo mảy mảy tự mâu thuẫn với mảy. Không phân biệt được giả, chân, thiện, ác làm sao có thể tự tin mà sống trên đời? Xã hội chưa đâu có thể tự gọi là chốn thiên đường, bên cạnh nhà trường còn có nhà ngục, bên cạnh ngòi bút còn có lưỡi dao, không thể chỉ thấy một chiều, chỉ yêu một cạnh. Vì tất nhà trường đã không tội lỗi, ngòi bút đã không oan khiên! Ta không có con, từ lâu kỳ vọng nơi mảy, nhân thời tao loạn những mong cho mảy múa gươm trận địa hơn là múa bút rừng văn. Bây giờ, thế thôi là hết. Từ nay tùy mảy định lấy đời mảy, ta không nói nữa.

Từ đây, Lương Sinh sẵn có nếp nhà phú túc, chuyên nghề thơ văn, tiêu dao ngâm vịnh tháng ngày. Lời thơ càng gấm, ý thơ càng hoa, tiếng đồn lan xa, lan rộng như sóng trên biển chiều nổi gió. Quan lệnh trấn mới dời đến địa phương vốn người hâm mộ văn chương, cho vời Sinh đến. Thấy Sinh tướng mạo khôi ngô, lòng quan cảm mến, tiếp đãi hết sức trọng hậu. Sau đó, quan lệnh mượn những thi tuyển của Sinh trong một tháng trường, nhiều khi bỏ cả xử kiện để mà bình thơ. Khi quan giao trả, Sinh thấy sau những bài đặc ý nhất của mình đều có bài họa, văn từ tao nhã, ý tứ thâm trầm, nét chữ uyển chuyển, dưới đề: "Tuyết Hồng tiện nữ chuyên họa". Hỏi, biết Tuyết Hồng là gái đầu lòng của quan. Theo lời nha lại tán tụng thì nàng tài sắc vẹn toàn, khiến Sinh đêm ngày tơ tưởng, cứ thấy giai nhân chập chờn trong cơn mộng ảo. Càng ngày Sinh càng tương tư mê mẩn tưởng không có nàng thì không thể nào sống được. Nhiều lần lảng vảng sau tư thất quan để nhìn cho được Tuyết Hồng, chỉ thấy hoa sau rèm lá chập chờn, lại càng mê mẩn tâm thần hơn nữa. Dịp đâu may mắn, quan mời Sinh đến uống rượu, ngờ ý muốn kén Sinh làm gia tế. Sinh mừng run người, tưởng có thể đội mái nhà bay lên. Bấy lâu ước ao người đẹp, bây giờ thế là thỏa nguyện.

Trong lễ hôn phối, Sinh mới nhìn rõ Tuyết Hồng: mặt nàng hơi gầy, mũi nàng hơi to, lưng nàng hơi cong. Sinh rất buồn lòng, song nghĩ duyên số tự trời, nhan sắc nàng kém nhưng tài nàng cao cũng là điều an ủi. Suốt tuần trăng mật, nhiều lần Sinh ép Tuyết Hồng làm thơ xướng họa, nàng đều chối từ. Hỏi sao ngày xưa thi tứ của nàng dồi dào là thế mà bây giờ chẳng cho nghe được một lời nào, thì nàng cúi đầu ngáp ngừng giây lâu mới đáp :

- Chàng kén thiếp để làm vợ đầu phải để làm thơ ? Đạo vợ lại là đạo lớn, e rằng đem hết trí lực chu toàn chưa chắc đã trọn, đâu dám lấy chuyện thơ văn mà làm chênh mảng. Dù chàng ép nài bao nhiêu, thiếp cũng đành cam chịu lỗi.

Đã thế, nhiều lần Sinh đọc thơ cho nàng nghe bảo nàng góp ý, nàng cũng có vẻ hết sức dừng dưng. Sau cùng, Sinh đàm nghị hoặc, nghĩ thầm có lẽ những bài thơ họa ngày xưa không phải của nàng mà chính là của quan lệnh. Nghĩ thầm chứ không nỡ nói, cũng không dám nói, vì khi giận dữ Tuyết Hồng thường khóa chặt buồng nằm riêng, hai ba đêm liền không tiếp.

Càng ngày Sinh càng chán nản khôn khuây, ảo tưởng vỡ tan, tưởng như tuyệt vọng tình đời. Thiếu thốn hình ảnh giai nhân, cuộc sống tự nhiên cần cỗi, y như nuốt toàn thuốc đắng không có mật đường trợ vị. Nhân Tết Nguyên đán, Tuyết Hồng về thăm song thân, Sinh bèn thừa dịp xuân nhật, noi gương Tử Trường ngày xưa phiếm du sơn thủy, tiếp lấy sinh lực muôn vẻ thiên nhiên nuôi cho văn khí thêm phân phong phú, siêu dật.

Bước ra khỏi nhà, Sinh chọn con đường hai bên cỏ non phơi phới, quanh co theo một dòng suối trong veo, lơ thơ bắc đôi nhịp cầu nho nhỏ, mơ màng lá đào rơi rắc mà vào chốn thiên thai. Xuân ý, xuân tình chứa chan ở trong cảnh sắc, màu trời, như theo giắc

quan đào đạt thấm vào mạch tủy khiến Sinh ngây ngất. Đi đã ba ngày mà không nghĩ đến đường về. Đi được sáu ngày thì sức nhớ đến vợ nhà, nhưng vợ cách xa đến sáu ngày đường cũng không đáng sợ bằng những cơn giận dữ. Đi đến mười ngày, tiền lưng muốn cạn, túi thơ chùng đầy. Chợt đến một miền tiêu điều, dân cư thưa thớt, Sinh chán nản, định quay về nhưng ruột đói, lưỡi khô bèn đi tìm một tửu quán nghỉ chân. Qua ba dặm đồng trống vắng vẫn chưa thấy bóng một người để hỏi thăm nơi. Bỗng nghe phảng phất tiếng trống, tiếng chiêng, lẫn tiếng reo cười. Dò theo âm thanh vọng lại, lần bước đến nơi, thấy đám hội trước chùa, bèn vào quán nhỏ gần đấy ăn uống. Chủ quán cho biết đã mấy năm rồi ở đây mới có một ngày hội lớn vì quan Khâm sai triều đình sắp về địa phương nên quan Tổng trấn họ Lý bày ra trò vui để cho dân chúng thỏa thuê ít bữa. Đang ngồi nhấm rượu lại nghe những tiếng hò hét rồi thấy đám người trước cửa dạt ra hai bên có vẻ hết sức sợ hãi. Từ xa tiến đến một chiếc kiệu hoa do bốn người khiêng và thêm chừng mười lính hầu áo màu lòe loẹt, tiền hô hậu ủng. Kiệu đến trước quán thì bị nghẹn người, dừng lại. Sinh ngược mắt lên, nhìn thấy khuôn mặt đàn bà tuyệt đẹp. Hỏi kẻ chung quanh, biết là Lý Duyên Hương con quan Tổng trấn vùng này. Người đẹp nhìn thẳng về phía trước, mặt hơi vênh lên, như không muốn thấy một ai quanh mình. Vẻ kiêu hãnh và nét sắc sảo của một khuôn mặt tươi hồng khiến Sinh ngây ngất, tưởng như gặp Tiên giáng trần, sững sốt chiêm ngưỡng, tay cầm ly rượu buông rơi lúc nào không biết. Ly rượu chạm mạnh vào mặt bàn vỡ tan, tỏa hơi nồng ra bốn phía. Người ngọc nghiêng đầu liếc xuống, thấy vẻ mặt Sinh ngây nhìn, chợt hiểu, bỗng nhoẻn miệng cười. Nụ cười lộng lẫnh như hé sáng một trời tình. Sinh lão đảo đứng lên, không phải vì say rượu, trả tiền cho chủ quán rồi tiến về phía kiệu hoa. Người xem đã giãn, kiệu vào trong chùa. Sinh vội bước theo, cố quên rằng mình đã có vợ nhà.

Trong chùa chật ních những người. Phần đông quần áo mùa xuân thơm mát nhưng mặt mày hốc hác mang nhiều vết hằn đau khổ. Ai cũng cố gắng mà vui, hình như không có dịp nào để vui hơn nữa. Lương Sinh chen vào, nghe mùi mồ hôi xông lên khó thở, gương mặt vẫn còn hương thơm người đẹp đi qua sót lại phần nào. Khổ nhọc rất lâu, bước đến thêm trong thì đã thừa người. Thấy Sinh có vẻ nhỏ nhẽ, người gác để Sinh đi qua. Vào tận trong xa vẫn chưa gặp được người ngọc. Thoạt nhìn lên một bức cao, hương trầm nghi ngút, sức nức mùi thơm, thấy Lý tiểu thư, vẻ mặt thành kính, đang cùng mấy vị tăng già đàm đạo. Lương Sinh hậm hực đứng nhìn, giận mình từ xưa chẳng chịu thể phát quy y.

Một lát, tiểu thư quay vào bàn lễ, Sinh ngại nàng vội đi nên bỗng nảy ra một ý. Lại gần biệt phòng bên cạnh, sẵn nghiên bút và hoa tiên để khách thập phương đề vịnh, Sinh bèn thảo phóng mấy câu:

" Lá gió sâu xuân, đưa đây duyên trời hẹn ước,
Tiên hoa gài mộng, vấn vương đèn Phật băng khuâng
Động biếc, thoáng cười tiên nữ
Rêu xanh, ngẩn lồi Lưu Thần.
Mặt nước hồ in, xao động bốn mùa sóng gió
Bóng đêm hang thăm, long lanh một vẻ giai nhân !

Rồi bẻ cành hoa kẹp vào. Khi Lý tiểu thư lễ xong, khoan thai xuống thêm, mọi người sợ hãi dạt ra hai bên thì Sinh vội vã đi theo. Đến lúc nàng vừa lên kiệu, Sinh ném cành hoa lên chỗ nàng ngồi. Lính hầu thoáng thấy, kêu lên:

- Có người ám hại tiểu thư !

Lập tức, hai, ba, rồi chín, mười lưỡi gươm dài vung lên, lính hầu vây lấy Lương Sinh. Những người xem hội thất sắc lùi lại, dồn dập đẩy vào nhau kêu la náo động. Tiểu thư

ngồi trên, vén rèm nhìn xuống, không nói một lời, vẻ mặt hết sức kiêu kỳ. Lương Sinh đã toan mở lời chống chế nhưng lính xông vào trói chàng.

Đám đông có tiếng thì thảo :

- Anh ta chỉ ném có một cành hoa thôi đấy.

- Bấy nhiêu cũng đủ héo cuộc đời.

- Qua dinh Tổng trấn không lấy nón xuống là đã bay đầu, nói chi xúc phạm tiểu thư vàng ngọc !

Lúc ấy Lương Sinh sức nhớ đã quên từ lâu mười môn võ bính truyền của nhà họ Lã.

Về đến nha môn, lính dẫn Lương Sinh nhốt vào trại giam rồi tâu trình lên Tổng trấn. Nằm trong bốn vách tường đá, Sinh nghĩ cuộc đời bằng phẳng của mình bấy lâu mà lòng rầu rĩ không yên. Chắc là phen này không thể sống thoát, tiếng vang danh sĩ ngày nào bây giờ phải chịu hoen nhục vì không nén được tâm lòng bùng bột phút giây. Đang mơ màng về thế giới bên kia, chợt nghe tiếng người gọi dậy, lập tức được lính dẫn đến công đường. Tổng trấn ngồi giữa, vóc dạng phương phi, hàm én râu hùm, trên tay còn cầm tang vật là mảnh hoa tiên.

Sinh cúi đầu thi lễ, toan tìm lời kêu oan gỡ tội thì quan ra lệnh mở trói. Trước sự kinh ngạc của Sinh, quan bước xuống thêm, dắt Sinh vào trong, kéo ghế bảo ngồi. Sinh từ chối hai ba lần không được. Quan nói :

- Ta thường ước ao được gặp một người tài đức, nay biết người là danh sĩ nên thực hết lòng hâm mộ. Lính hầu sơ suất phạm điều vô lễ vừa rồi, ta sẽ nghiêm trị. Gác Đăng thuận nẻo gió đưa, người hãy ở đây cùng ta hưởng mấy ngày xuân, vui câu xướng họa, cho thỏa tình ta khao khát lâu nay.

Đoạn truyền đem rượu ngon thịt béo ra thết đãi nồng hậu. Lương Sinh tự thấy tài năng của mình thực đã bảo đảm cái mệnh vô cùng vững chắc, hết sức cởi mở tâm lòng, uống rượu say khướt từ sớm đến chiều, mỗi khi chập chờn thức tỉnh lại ngâm thơ sang sảng, tưởng như lúc nào sau rèm cũng có người đẹp nép nghe. Tổng trấn có vẻ đặc biệt kính trọng tài năng của Sinh, luôn luôn nhường lời cho Sinh thành ra Sinh phải độc xướng, độc họa, độc ngâm suốt ngày. Đôi lúc Sinh muốn hỏi thăm tiểu thơ định trao duyên nơi nào chưa, nhưng thấy Tổng trấn đãi mình như bậc thượng khách nên phải giữ ý làm thinh.

Độ vài hôm sau, quan tổ chức cuộc du xuân, đưa Sinh đi xem cảnh trí trong miền. Nơi nào quan cũng cho thấy kỳ công đại lực của quan tạo lập cho dân: Kìa là dòng suối quanh co quan đã khai thông để dân lấy nước cấy cày, nọ là đồng ruộng bao la trước kia toàn là rừng rậm hoang vu quan đã tốn công khai phá cho dân trồng trọt.

Ngồi trên kiệu cao, Sinh nhìn theo ngón tay quan trở phía xa xa, mơ hồ thấy suối, thấy đồng nhiều vẻ khác màu mà miệng không ngừng tán tụng. Hơi men nồng nàn lòng Sinh chan chứa nhiệt tình đối với những bậc "dân chi phụ mẫu" mà xưa nay Sinh thường tỏ ý rẻ khinh.

Đến đâu quan cũng xin Sinh lưu bút để cho khắc vào bia đá, cột đồng. Sinh phóng bút thao thao bất tuyệt, hết lòng ca ngợi tài đức của quan. Mục thơm bút quý, lời lời châu

ngọc, hàng hàng gấm thêu. Trước khi già từ, Sinh còn lưu lại bài tán (1) tổng kết công đức của quan đế khắc ở chốn công đường và bài minh, ký (2) để ghi tạc vào mấy cổ hồng chung tại các tháp đèn quy mô trong hạt. Quan ân cần tiễn chân Sinh ra khỏi nha môn, đưa tặng một cỗ ngựa bạch mấy nén vàng nhưng Sinh một mực từ chối không nhận để giữ vẹn lòng thanh khiết.

Giữa mùa xuân ấy, Sinh lâm bệnh nặng, nằm liệt suốt một tháng liền. Tuyết Hồng hết sức săn sóc thuốc thang, nhiều đêm không ngủ. Bây giờ Sinh có lòng mừng là nàng không biết làm thơ, nhưng Sinh ngày đêm khắc khoải vì không cầm được cây bút. Một ngày không viết được câu nào Sinh có cảm tưởng như mình không còn sống nữa. Ngoài nỗi bệnh tật giày vò, Sinh còn bị băn khoăn sáng tạo hành hạ. Bệnh cũ như muốn tái phát, thần kinh rạo rực không yên, giấc ngủ chập chờn ác mộng. Mấy lần chống tay ngồi dậy nhưng lại bủn rủn nằm xuống, hơi thở nóng ran như lửa. Một sớm đang nằm, nghe tiếng chim hoàng anh hót ngoài vườn vụt tắt, thấy một tia nắng lọt qua khe cửa chột tàn, Sinh bỗng hốt hoảng tưởng chừng mùa xuân bỏ mình mà đi, bèn gượng ngồi lên, xô mạnh cửa sổ. Mất nụ hoa thắm cười duyên trước thềm, lá xanh tươi màu nhựa mới. Sinh gọi đem nghiên bút và tập hoa tiên. Vừa cầm bút lên, Sinh bỗng kinh ngạc: nghiên mực đỏ tươi sắc máu. Thử chấm bút vào, lăn tròn ngọn bút đưa lên, bỗng thấy nhỏ xuống từng giọt, từng giọt thấm hồng như rỉ chảy từ tim. Khiếp đảm, Sinh ngồi sững sờ, tâm thần thác loạn. Cố viết đôi chữ lên giấy, nét chữ quánh lại, lộn cợn như vệt huyết khô trên cát. Sinh vội buông viết, tưởng chừng bàn tay cũng thấm máu đầy. Đưa lên ngang mũi, mùi tanh khủng khiếp. Quệt tay vào áo, đau nhói trong người, Sinh nằm vật xuống, mê man bất tỉnh. Sau mấy ngày, Sinh tỉnh dậy, lòng lại khao khát cầm bút. Nhưng nhớ hình ảnh vừa qua, tự nhiên dấm ra e ngại. Sinh cố tập trung thần lực, men đến án thư nhưng vừa cầm bút lại thấy lảng vảng sắc máu, không sao có đủ can đảm vạch được nét nào. Sinh ném bút, hất giấy, vô cùng khiếp sợ tưởng như xôn xao chung quanh vô số hồn oan đòi mạng. Từ đó Sinh gầy rạc hẳn, liệu không sống thoát.

Người cậu của Sinh từ lâu đã vào trong núi Hoa-dương ở với đạo sĩ họ Trình, một hôm tạt về thăm nhà thấy cháu suy nhược rất là lo lắng. Sau khi nghe Sinh thuật hết những điều quái dị vừa qua, ông suy nghĩ hồi lâu rồi nói :

- Ta từng bảo cháu ngồi bút không phải không có oan khiên. Lười gươm tuy ác nhưng mà trách nhiệm rõ ràng, lỗi lầm tác hại cũng trong giới hạn. Mượn sự huyền hoặc của văn chương mà gây điều thiệt hại cho con người, tội ác của kẻ cầm bút xưa nay kẻ biết là bao, nhưng chẳng qua mờ mịt hư ảo nên không thấy rõ hay không muốn rõ mà thôi. Làm cho người gái lớn lên băn khoăn sầu muộn, làm cho trai trẻ đang hăng khinh bạc, hoài nghi, gọi cho người ta nghĩ vật dục và quên ái tình, kêu cho người ta tiếc tài lợi mà xa đạo nghĩa, hoặc cười trên đau khổ của tha nhân, hát trên bi cảnh đồng loại, đem sự phù phiếm thay cho thực dụng, lấy việc thiển cận quên điều xa xa, xuyên tạc chân lý, che lấp bản hàn, ca ngợi quyền lực, bỏ quên con người, văn chương há chẳng đã làm những điều vô đạo ? Tội ác văn chương xưa nay nếu đem phân tích biết đâu chẳng dồn chất thành ngàn dẫy Thiên sơn ? Thần tạng của cháu kinh động thất thường, nhưng mà bản chất huyền diệu có thể cảm ứng với cõi vô hình, chắc cháu làm điều tổn đức khá nặng nên máu oan mới đuổi theo như vậy. Hãy xem có lẽ hứng bút đi lệch đường chăng ? Soát lại cho mau, soát lại cho mau, chớ để chầy ngày.

Lương Sinh nghe xong bồi hồi tắc dạ, trí tuệ xem ra minh mẫn hơn nhiều. Con bệnh do đó lui được khá xa. Sinh đem mấy tập thi tuyển của mình đọc lại từng câu, dò lại từng chữ, thấy toàn là ý bướm tình hoa, phát triển cảm xúc mà xao nhãng trí tuệ, tán tụng thiên nhiên mà bỏ mất cảnh đời, trốn tránh thực tại, từ chối tương lai, nhưng nghĩ kỹ lại vẫn chưa dò được lỗi máu từ đâu. Bỗng nhớ đến những bài phóng bút viết cho Tổng

trấn, không ghi lại trong thi tuyển, tâm não trở nên bàng hoàng. Đồng thời bao nhiêu gương mặt hốc hác trong ngày hội chùa lại hiện lên rõ, mấy cánh đồng trơ trọi, những tiếng thì thầm hai bên kiệu hoa, vẻ người nhón nhác sợ hãi, những đèn dây trời, mấy dãy nhà giam, lần lượt như sống lại trước mặt. Những cảnh ấy thực đã trái ngược với những bài tán, bài minh đã viết. Mồ hôi toát ra như tắm, Sinh đứng lên được, quyết định trở lại chốn cũ để tìm hiểu sự thực.

Sinh đến chốn cũ vào một buổi chiều nắng vàng thê lương phủ trên cảnh vật tiêu điều, xơ xác. Qua khỏi dòng suối khô cạn Sinh bước vào một thôn trang vắng vẻ, thưa thớt những mái tranh nghèo, không một bóng người thấp thoáng. Đến một gò cỏ úa chợt thấy một người nông phu ủ rũ trước nấm mộ mới, liu hiu mấy nén hương tàn. Sinh dừng bước, lại gần ngồi xuống một bên, khẽ hỏi :

- Bác khóc thương thân quyến nào vậy ?

Người kia ngược lên không nói, ngẩng nhìn lớp bụi đường trường bạc thếp trên quần áo Sinh, dịu đôi mắt xuống :

- Người nằm dưới mồ không phải bà con quyến thuộc của tôi.

Sinh nghĩ : "Chẳng lẽ người này cũng là một kẻ thi nhân khóc thương cho kiếp hồng nhan bạc mệnh nào chăng". Chưa kịp dò ý, người kia chợt hỏi, ra vẻ hoài nghi :

- Ông từ đâu mà đến đây ?

- Tôi ở chốn xa, nhân bước đường phiêu lưu ghé tạt qua thôi. Buồn thấy miền này có vẻ tiêu điều hơn các nơi khác.

Người nông phu bỗng long lanh đôi mắt như không dần được tấm lòng dòn nén, bật lên những tiếng cảm hờn :

- Nói hết cho muôn ngàn khách qua đường cũng chưa hả được dạ này. Vì dù phải chết ngày nay, thân này chẳng tiếc, miễn sao bọc bạch cho được sự thực uất hận từ lâu. Đã bao năm rồi, sống dưới ánh vuốt của tên Tổng trấn họ Lý, chính sự độc dữ hơn hùm beo, đồng ruộng gầy khô, dân làng đói rách. Đầu xuân này có Khâm sai đi về, cụ Thôn trưởng của chúng tôi, mặc dù già yếu cũng quyết vì dân làm bản trần tình, can đầu ngựa, nín bánh xe mà tỏ bày sự thực. Thế nhưng Khâm sai đi khắp mọi nơi, chỗ nào cũng thấy bia đá, cột đồng đầy lời hoa mỹ tán dương của thăng danh sĩ chết khốn nào đó nên ném bản trần tình, không xét, bảo rằng: "Muôn ngàn lời nói của lũ dân đen vô học đâu bằng mấy vắn từ điệu cao xa của kẻ danh nho. Danh sĩ bao giờ cũng biết tự trọng. Tổng trấn đã được hạng ấy tôn xưng, hẳn không phải bất tài". Thế đã thôi đâu, Khâm sai đi rồi, Tổng trấn phải sai nha về tróc nã những người đã đầu đơn tố cáo nó. Bao người phải chết về nỗi cực hình thảm khốc, vợ góa con cô, một trời nước mắt, ruộng đồng từ đây đành để nuôi loài cỏ dại mà thôi.

Sinh chết điếng cả người, giây lâu mới gượng gạo hỏi :

- Chẳng hay bác có biết... danh sĩ ấy tên là gì không ?

Người nông phu trợn trừng cặp mắt, gào lên :

- Làm gì mà biết ! mà biết làm gì ? Những hạng hiếu lợi, hiếu danh, trốn trong tù chương để tiếp sức cho kẻ ác mà cứ tưởng mình thanh cao, hạng ấy thì đâu chẳng có ? Dân làng đây ai cũng nguyên rửa hã, mà hã nào biết đâu ! Nghĩ thương cho cụ Truởng tôi, mấy lần đứng ra chịu nhận hết tội để cứu bao người mà bọn chúng chẳng chịu tha, cứ việc tàn sát thẳng tay, lòi đi lớp này rồi đến lớp khác, nên khi bị dẫn qua đây cụ tự móc họng cho trào máu ra mà chết để khỏi bị người đầy đọa. Trước khi nhắm mắt, cụ còn gượng nói : " Được chết trên cánh đồng đã đầm mồ hôi của ta, của bà con xóm làng ta, thế là quý rồi. Chôn ta ở đây, cho ta gần gũi với các người ". Hơi thở gần tàn, cụ còn nói tiếp : " Tội ác là ở lũ vua quan. Tên danh sĩ kia chỉ là cái cớ để chúng vun vào mà che lấp sự thực. Đừng oán hờn tên danh sĩ. Đáng thương cho nó, đáng thương cho nó".

Người nông phu ngừng lại, nghẹn ngào rồi tiếp :

- Nhưng bao người khổ ở đây, bao kẻ chết nơi kia nghĩ còn đáng thương đáng xót gấp trăm ngàn lần !

Đoạn, gục đầu trước mồ, khóc than thâm thiết. Sinh cũng sụp xuống, hòa tiếng khóc theo. Bóng đêm xóa nhòa, gió lạnh như từ cõi âm thổi về rung động bờ lau bụi cỏ. Sinh tưởng như theo cơn gió oan hồn của người đã khuất hiện về chứng kiến cho những giọt lệ chảy ra từ một tấm lòng hối hận chân thành.

12-1958

(Chắt Ngọc - Cảo thơm 1964)

(1) Một thể loại văn học cổ đề ca tụng công đức.

(2) Thể loại văn trong văn học cổ.

Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ

Hàn Thủy

Để tưởng nhớ Bùi Mộng Hùng

*Trông mặt mà bắt hình dong
Con lợn có béo thì lòng mới ngon
Tục ngữ*

Sinh học là môn học về sự sống, muôn màu muôn vẻ. Tin học nói chung chỉ biết có số không và số một, không có gì khô khan hơn. Hiện nay đại đa số những người làm tin học không biết gì đến sinh học, và đa số người làm sinh học cũng chỉ dùng máy tính như một dụng cụ để viết bài hay tính toán.

Thế nhưng chỉ cần lật xem những tạp chí phổ biến khoa học trong thời gian vừa qua cũng thấy không hiếm những thông tin hay bài báo nói về những khảo cứu vận dụng cả hai ngành khoa học - công nghệ nói trên. Thí dụ một số tựa như : "*Sự thành hình ngành y khoa xi-be*", L'avènement de la cybermédecine, La Recherche, tháng 2.2000 ; "*Phải chăng ngày mai sẽ có loài vật nhân tạo ?*", Les animaux artificiels sont-ils pour demain ?, La Recherche, tháng 10.1998 ; "*Từ Sinh học tới Tin học*", De la Biologie à l'Informatique, La Recherche, tháng 2.1999 ; "*Tính toán bằng ADN*", Calculer avec l'ADN, Pour la Science, tháng 10.1998 ; vân vân, không thể kể hết. Người ta luôn luôn gặp những thuật ngữ mới (vì mới quá, xin phép không dịch vì đây là công việc mà ngay những người trong nghề cũng phải bàn cãi cẩn thận), như *Biopuce*, *Biocomputer*, Pilule électronique, Algorithme génétique, mạng noron... cũng không thể kể hết.

Vậy chuyện gì đang và sẽ xảy ra ? Tầm quan trọng và ảnh hưởng của nó tới đâu ?

Phần 1 : đôi điều khẳng định

Tin học và sinh học là hai khoa học - công nghệ đang đảo lộn sinh hoạt kinh tế, xã hội, sức khỏe, văn hoá, của con người. Ngày nay điều này đã hiển nhiên. Hai hành tinh lớn này di chuyển trên những quỹ đạo độc lập cho tới những năm gần đây, nhưng những dấu hiệu nêu trên cho thấy chúng sẽ va chạm. Hậu quả ra sao, một vùng cát bụi mịt mờ, hay sẽ bắn ra một tinh thể mới tròn trặn và đẹp như trăng rằm ? Đó còn là chuyện tương lai khó mà đoán trước, nhưng dù sao cũng sẽ là một hiện tượng rất cần để ý.

Xin mở ngoặc để nói về tựa đề bài này : đặt tên *Đầu thế kỷ 21...* vì có lẽ hiện nay không ai dám nói chuyện tiến bộ khoa học của cả thế kỷ tới ! Hình như những nhà khoa học đang sống vượt quá số tất cả những người làm khoa học đã khuất của nhân loại từ thiên cổ. Thế mà năm mươi năm trước đây thôi, có ai tưởng tượng thế giới ngày nay nó lại như thế này đâu. Thôi thì cứ cho là dự phóng được trong tầm thập kỷ, và ngay trong tầm nhìn đó cũng xin phỏng theo một tác giả của Diễn Đàn : có *đôi điều khẳng định và có đôi điều có lẽ*. Kỳ này xin thông tin và có vài suy nghĩ về đôi điều... có lẽ khẳng định, và xin để một lần khác bàn về những điều có lẽ... có lẽ. Vì những điều có lẽ đó sẽ không ngoài giấc mơ cướp quyền tạo hóa, đã có từ thế kỷ ánh sáng, và vẫn còn gây nhiều bàn cãi triết học cũng như tôn giáo. Vậy xin trở lại những tiến bộ đã manh nha, và có thể tới trong tương lai không xa lắm, kết quả của đám cưới Sinh học - Tin học. Vâng, và sẽ thừa tại sao có con lợn béo dẫn cưới ở trên.

1. Một quan hệ lâu đời

Phải nói ngay, đám cưới này có nhiều thế gia vọng tộc đỡ đầu, thí dụ như Jacques Monod, giải Nobel về sinh học, trong tác phẩm nổi tiếng "*Le hasard et la nécessité*" từ năm 1970 đã dành cả một chương bàn về "vi điều khiển học" (cybernétique microscopique) ; ngược lại thì điều khiển học do bác học Mỹ Norbert Wiener đề xướng từ sau thế chiến thứ hai cũng bắt nguồn từ quan sát các hành vi của sinh vật. Những khái niệm cơ bản của điều khiển học hiện đã nằm sâu trong tin học, và thuật ngữ điều khiển học ít được dùng nữa, ngoại trừ việc nó trở lại trong thuật ngữ "*không gian điều khiển*" (đọc trong một tài liệu

chính thức của Việt Nam để dịch chữ *cyberspace*, trên mặt báo này đã có lần viết "*không gian xibe*"). Vậy sinh học và tin học đã có quan hệ từ lâu đời, nhưng ngày nay càng thiết thiết hơn. Theo Joel de Rosnay, một bác học nổi tiếng khác của Pháp thì một trong ba hội tụ về khoa học - công nghệ của đầu thế kỷ 21 là hội tụ giữa sinh học và tin học. Hai sự hội tụ kia thì một là giữa tin học, viễn thông, truyền thông và đa media ; và một là hội tụ giữa môi trường học và kỹ nghệ (Science et Vie, tháng 12.1999).

Hy vọng Hoàng tử và Công chúa sẽ sống hạnh phúc lâu dài, mà không bị lời nguyền từ một phù thủy ác độc nào đó. Trong truyện cổ tích người ta thường vẽ phù thủy xấu xa dị hợm, nhưng đây là cho trẻ con thôi, chứ phù thủy thiếu gì phép thuật để tự cho mình bộ mặt đẹp đẽ. Hãy cảnh giác, phù thủy và nàng tiên rất giống nhau. Với khoa học, khả năng đem lại hạnh phúc cho con người càng lớn thì sức tàn phá càng ghê gớm. Thôi, câu chuyện đó ta sẽ bàn với nhau quanh lửa hồng, một đêm trời đầy sao. Bây giờ cứ cho là cặp này có hạnh phúc dài lâu đi, và sẽ được (ít nhất) hai người con, đó là : khoa học về bộ não và di truyền học. Nếu không vì quá dài dòng có thể thêm công nghệ rôbốt, trong đó tin học mới chỉ mô phỏng sinh học một cách thô lỗ.

Nhưng trước hãy xem những quả cưới của hai họ : sinh học đem lại gì cho tin học, và tin học đem lại gì cho sinh học ?

2. Trông mặt mà bắt hình dong

Con lợn có béo thì lòng mới ngon. Hai con lợn béo tốt như nhau thì bộ đồ lòng cũng ngon như nhau. Ngẫm nghĩ câu tục ngữ này mà tán thêm như thế thì hoá ra đây không phải chỉ là một quy luật về loài lợn, nó là một ý tưởng cơ bản trong phương pháp luận của những nghiên cứu tin học, như *trí tuệ nhân tạo*, *robot*, *mạng neuron*. Đó là việc thành lập những mô hình, và điều chỉnh sao cho quan hệ giữa đầu vào và đầu ra giống như hiện thực.

- Kia một con lợn béo tốt, muốn hiểu biết bên trong nó phải làm sao ?

- Thì hãy cố gắng chế tạo một con lợn cũng béo tốt !

Bên ngoài giống nhau thì bên trong chắc cũng có gì giống. Đi đến cùng ta có trắc nghiệm Turing : đối thoại với một máy tính mà không phân biệt được với người thì phải công nhận là máy tính có trí năng.

Có thể phản biện lại rằng " Hai hộp đen có đầu vào và đầu ra hoàn toàn giống nhau, rất có thể bên trong được chế tạo bằng những nguyên tắc và giải thuật hoàn toàn khác nhau ". Đúng vậy, và người ta có thể thực hiện cụ thể những thí dụ như thế, tuy không dễ. Và hành vi " trông mặt mà bắt hình dong " này nếu là độc nhất thì quả nhiên không khoa học, hay cùng lắm được gọi là khoa học sơ khai. Nó phải, và luôn luôn được kết hợp với các hoạt động khoa học quy phạm khác để tạo ra những mô hình ngày càng hoàn chỉnh của hiện thực.

Trong khoa học có khám phá, sáng tạo, phân tích, tổng hợp, kiểm chứng, giải thích... mỗi khái niệm này chỉ nhấn mạnh một khía cạnh nào đó của một tổng thể những hành vi có liên hệ chặt chẽ với nhau ; và trong sáng tạo có sự mảy mò, tìm kiếm trong mù mờ, tức tinh thần *cứ làm như thể là*. Nhưng chính vì *cứ làm như thể là* có một hành tinh khác xáo trộn quỹ đạo của hành tinh Thiên vương (Uranus) mà Le Verrier đã " khám phá " hành tinh Hải vương (Neptune) vào giữa thế kỷ 19, chỉ bằng tính toán.

Sau khi đưa bằng chứng về dòng dõi thế gia của những mô hình tin học ta có thể mô tả cái quá trình tiến triển hỗ tương giữa tin học và sinh học như sau :

* Sinh học tiếp tục nghiên cứu với những phương pháp đặc thù của mình, kết hợp các dụng cụ hoá hữu cơ, kính hiển vi, giải phẫu học... với các nguyên lý tân Darwin để tổng hợp các ngành sinh học phân tử, di truyền học và phát triển phôi (embryologie), bằng cách so sánh các sinh vật trong quá trình tiến hoá của chúng từ đơn giản đến phức tạp... Cho đến nay những tiến bộ diệu kỳ của sinh vật học, đưa đến những hiểu biết về sinh lý con người, về các virút và các thành quả y học tương ứng... vẫn hầu như toàn bộ nằm

trong hệ ý niệm đó. Trong tiến trình này máy tính điện tử chỉ được sử dụng như một công cụ xử lý thông tin phụ giúp cho người làm khoa học như trong bất cứ ngành nào khác. Nhưng hình như trong việc nghiên cứu các đối tượng như hoạt động của ADN trong phát triển phôi, hoạt động của bộ não... hai vấn đề điển hình nhất hiện nay, các nhà sinh vật học đã gặp phải hàng rào của sự phức tạp, và dùng máy tính điện tử như một công cụ xử lý thông tin cổ điển để phụ giúp việc lưu trữ, so sánh và tìm kiếm... không đủ nữa, họ thấy cần thiết nắm lấy công cụ này một cách sáng tạo để nó phục vụ đắc lực hơn cho mình. Hiện tượng nổi bật gần đây nhất là Craig Venter, được coi như người đã thủ thắng trong cuộc chạy đua đọc mã gen, là người đã dựa vào máy tính điện tử một cách sáng tạo nhất.

* Trong khi đó tin học, dựa trên những tiến bộ kỹ thuật về điện tử, về phương pháp lập trình, về viễn thông... càng ngày càng có những công cụ xử lý thông tin rất mạnh, và do đó càng có tham vọng đề cập những bài toán mỗi ngày một phức tạp. Xử lý song song và phân tán, trong đó nhiều máy tính cộng tác với nhau đang là đề tài nóng bỏng, và các đối tượng sử dụng trong địa hạt " vô sinh " không thiếu, như khí tượng học, như điều khiển hữu hiệu hơn mạng thông tin toàn cầu đang bùng nổ từng bùng... và người ta lại thấy cần trở lại nguồn cảm hứng ban đầu : có " bộ máy " nào phức tạp, thông minh, bền vững và tin cậy được như một sinh vật ? Mạng nơron đã bắt đầu có ứng dụng, và đó chỉ là một mô phỏng rất mờ nhạt của các nơron thực sự, hiểu biết rõ hơn về hoạt động của nơron chắc chắn sẽ giúp ích nhiều hơn.

* Vòng luẩn quẩn ? Không, đây là một vòng xoáy đi lên. Không phải là ngành nọ chờ đợi tiến bộ của ngành kia và trong khi đó dậm chân tại chỗ, mà chính là một tiến triển hỗ tương, nhờ ở sự " cứ làm như thể là ", cứ mày mò tìm kiếm với những ước đoán theo tương tự, với những công cụ không thật sự thích hợp, với những giả thuyết " cầu vồng ". Nhưng cũng với những phân tích, thí nghiệm, kiểm nghiệm nghiêm ngặt các giả thuyết ấy ; để rồi cũng có những phát minh, khám phá và giải thích có giá trị ; rồi khi ấy một tiến bộ bên này sẽ lại giúp đỡ bên kia. Và như thế sẽ dần dần thành hình một khoa học hoàn chỉnh, với những lý thuyết sát thực tế hơn và với những công cụ nghiên cứu thích hợp hơn. Đến đây có lẽ không cần thiết xác định đâu là khía cạnh chính và đâu là phụ ; tin học và sinh học của thế kỷ 21 sẽ cùng tấn công vào cái *vô cùng phức tạp*, cũng như các nhà khoa học từ thế kỷ 16 tới nay đã tấn công vào cái *vô cùng lớn* và cái *vô cùng nhỏ*.

* Có thể miễn cưỡng nói đại thể có hai loại phức tạp khác nhau, cái phức tạp tuyến tính theo chiều sâu và cái phức tạp trải rộng trên bề mặt do quá nhiều yếu tố khác nhau tác động qua lại để tạo ra một hiệu ứng nào đó. Tôi viết bài này trong khi nghe tiếng hát Hồng Nhung trong CD " Đoàn khúc thu Hà Nội " ; làm sao đi từ những con số 0 hay 1 ghi trong CD, qua đầu đọc laser đi vào máy tính, biến thành sóng điện từ rồi trở thành những âm thanh ngân nga trong đầu tôi ...

tôi mong về Hà nội, để nghe gió sông Hồng thổi...
tôi mong về Hà nội, tìm lại tiếng ve thời trẻ dại...

Cái phức tạp chiều sâu kỹ thuật đi từ đĩa CD tới âm thanh có lẽ không còn xa lạ lắm với chúng ta, tuy đã là cả một vấn đề. Nhưng tại sao tôi thấy tiếng hát hay ngân nga ? Ở đây có biết bao nhiêu là tín hiệu của các nơron chạy trong đầu ? Trong những nơron đó còn ghi lại những gì của thời thơ ấu đã trôi qua, bắt ve và đồ dế ven bờ sông Hồng ? Nếu nhìn sự sống của sinh vật từ các chuỗi ADN trở đi ta có thể thấy sự vô cùng phức tạp này gồm cả hai chiều, từ các phân tử protein tới tế bào, từ tế bào tới các bộ phận nhỏ của cơ thể, rồi từ các bộ phận tới toàn thể, ở mỗi kích thước nghiên cứu đều biết bao nhiêu vấn đề, biết bao nhiêu tác động qua lại.

Cho tới nay những thành quả của tin học đã có một chiều sâu đáng kể, chẳng hạn bạn ở xa chỉ cần vào trang nhà của Diễn Đàn trong mạng Internet, bấm con chuột vài lần là sẽ được ngắm những bức tranh tuyệt diệu, phố cổ Hà nội của Bùi Xuân Phái. Nếu phải giải thích từ số không trở đi tại sao làm được như vậy, thì cũng hết vài ngày. Nhưng còn những nghiên cứu về sự phức tạp do tác động nhiều yếu tố cộng lại thì phải nói chưa đi đến đâu, các hệ máy cho phép nối kết những xử lý song song khác nhau, để đưa đến một trình độ thông minh mới, còn chập chững. Ở đây sự sống của sinh vật, dù chỉ là những côn trùng giản dị nhất, là một nguồn cảm hứng và học hỏi rất lớn. Và để lại nói theo kiểu một tác giả khác : sự sống cũng *là một phòng thí nghiệm thiên nhiên vĩ đại*. Theo chiều ngược lại, các phương pháp mô phỏng bằng tin

học, với toán và lôgic là nền tảng, có thể cho phép thử nghiệm rất nhanh những giả thuyết về các cấu trúc sinh học và hoạt động của chúng.

3. Khoa học về bộ não

Tìm hiểu hoạt động của bộ não là công trình nghiên cứu đã lâu đời, với những phương tiện quan sát bên trong như giải phẫu, bên ngoài như đo các phát sóng điện từ... , kết hợp với quan sát bệnh lý, làm trắc nghiệm... người ta đã đạt được rất nhiều kết quả. Ngày nay bộ não đã được phân chia thành nhiều vùng, và người ta đã xác định được chức năng của mỗi vùng, mặt khác những điều kiện sinh hoá cần thiết cho bộ não hoạt động cũng ngày càng rõ, và các được phẩm chữa trị các bệnh liên quan tới não càng ngày càng nhiều và hữu hiệu. Nhưng càng biết thêm càng thấy nhiều câu hỏi.

Trong đầu con người có khoảng 100 tỷ noron, mỗi noron được nối với nhiều noron khác bằng những *synapses*, một noron có thể có đến hơn nghìn *synapses*, và số *synapse* tổng cộng lại được ước lượng khoảng 1 triệu tỷ. Tín hiệu được truyền qua thân noron tới các *synapses*, và tùy theo trạng thái của chúng mà một hay nhiều noron khác sẽ được kích thích để tiếp tục truyền tín hiệu. Đó là mức thấp nhất, nhưng từ đó tổ chức lên các tầng trên như thế nào, có thể có được một bản đồ chi tiết của *một* bộ não tới từng noron không ? Thêm nữa, bộ óc con người ta không giống nhau, vậy đâu là cái tổng quát và đâu là phần đặc thù ? Bộ óc lại biến chuyển với thời gian theo cuộc sống của từng người, vậy đâu là phần bẩm sinh và đâu là phần lịch sử cá nhân ?

Các phương tiện tin học có thể mô phỏng một cấu trúc như vậy hay không ? Xin thưa về mặt kỹ thuật hoàn toàn có thể được, chỉ chưa biết phải làm cụ thể thế nào thôi ! Nhưng may mắn thay có Darwin. Vì nếu tin rằng con người do tiến hoá từ các sinh vật giản dị hơn mà ra, thì người ta có thể, *và đã luôn luôn thành công khi làm như vậy*, nghiên cứu những sinh vật giản dị hơn để từng bước hiểu biết thêm về con người. Nghiên cứu về bộ não cũng vậy, các nhà sinh vật học đã thấy rằng cấu trúc của bộ não con người còn giữ lại nhiều dấu vết của tổ tiên từ xưa, rất xưa.

4. ADN, ô thật là giản dị

Sinh học có thể được coi như bắt đầu từ lúc, với phát minh kính hiển vi, người ta khám phá ra là các sinh vật là một tập hợp các tế bào, mô tả tế bào lần đầu được xuất bản năm 1667. Kể từ đó, một chuỗi dài các nghiên cứu về thực và động vật đã đưa tới đỉnh cao là khám phá ra cấu trúc ADN của Watson và Crick năm 1953. Từ đó người ta có thể nói như sau :

* Sinh vật chủ yếu gồm một tập hợp các tế bào, các tế bào lại phân hoá theo những nhiệm vụ khác nhau và được kết cấu với nhau trong những bộ phận khác nhau của cơ thể. Tế bào có màng bao bọc, chứa một dung dịch hữu cơ và một hạt nhân. Trong hạt nhân có các nhiễm sắc thể (chromosomes). Nhiễm sắc thể mang đầy đủ các thông tin cần thiết để làm nảy sinh một sinh vật. Tức cũng mang đầy đủ các yếu tố di truyền. Mỗi tế bào có khả năng, trong những điều kiện nhất định, tự chia đôi thành hai tế bào, làm cho sinh vật tăng trưởng.

* Nhiễm sắc thể là một tập hợp các gen. Mỗi gen là một chuỗi xoắn đôi ADN (Acides DesoxyriboNucléiques, ouf !). Người viết bài này không biết gì về sinh học thì chỉ nhớ được rằng mỗi chuỗi xoắn đôi ADN có thể được mô tả bằng một ngôn ngữ chỉ có 4 chữ cái là A, T, G, và C (các phân tử hữu cơ).

* Tại sao lại gọi chuỗi xoắn đôi ? Vì nó có 2 nhánh xoắn quanh nhau và gắn bó theo một quy luật nhất định : A bên này nối với T bên kia, và G bên này với C bên kia. Biết một nhánh tức là biết đầy đủ cấu trúc hoá học của gen. Thần kỳ của tạo hoá là làm ra cái máy tính ADN như thế. Vì trong khi sinh trưởng hai nhánh của một chuỗi có thể tách ra độc lập và tổng hợp từ các chất hữu cơ của tế bào cái nữa còn thiếu của mình. Để cuối cùng thành hai chuỗi, và một tế bào thành hai tế bào.

* Công việc của các chuỗi ADN không phải chỉ là như thế, mà nó còn thường trực tổng hợp các protein để tạo nên hình hài cho cơ thể. Để làm việc này ADN phát ra những mẫu " câu chữ " của mình dưới một dạng khác gọi là ARN (Acides RiboNucléiques), trong đó chỉ có chữ T được thay bằng một chữ khác (tức là một phân tử hữu cơ khác), chữ U. ARN là một thông điệp mà ADN gửi đến cho một " đơn vị ngoại vi " khác của tế bào, các Ribosome, có khả năng tổng hợp khoảng 100 ngàn protein theo yêu cầu, tức là theo ARN mà nó nhận được.

* Các tế bào đầu tiên giống nhau, nhưng rồi dần dần phân hoá các hoạt động. Trong sự phân hoá này người ta chưa hiểu rõ tại sao : tuy các ADN trong mỗi tế bào đều giống hệt nhau, nhưng lại có thể nhả ra các ARN khác nhau để tổng hợp các protein khác nhau. Các gen trong một tế bào hoạt động song song, nhưng có những gen bỗng không hoạt động nữa...

* Người ta biết lơ mơ về trách nhiệm của một số gen trong một vài trường hợp bệnh lý, nhưng các nhà sinh học đều cho rằng nhiều chức năng của cơ thể là do nhiều gen hợp tác đảm nhiệm.

Đó là tóm tắt những điều người viết bài này, làm nghề tin học, nghĩa là biết một ít về tin học và mù tịt về sinh học, tìm hiểu được, và múa rìu qua nhiều mắt thợ trình bày như trên. Hy vọng sẽ có những cao nhân chỉ giáo thêm. Nhưng cũng có thể hãnh diện mà nói rằng : thế thì nếu thay trong 4 chữ mỗi chữ bằng 2 bit là viết được cấu trúc của gen trong máy tính rồi. Theo những tin cuối cùng người ta hy vọng sẽ đọc mã được hết các gen của con người trong năm nay. Con người có khoảng từ 30 000 đến 35 000 gen, mỗi gen là một chuỗi ADN rất dài, trung bình khoảng 200 000 chữ. Vậy đọc mã được toàn bộ gen của con người tức là viết ra được 6 tỷ chữ, 12 tỷ bit. Đọc mã chưa phải là giải mã, nhưng người ta đã đi được vài bước đầu, tức là không phải hoàn toàn mù tịt về hoạt động và chức năng của một số gen. Phương pháp vẫn là nghiên cứu các sinh vật đơn giản, so sánh mã gen của các sinh vật khác nhau, hay của những mẫu khác nhau của cùng một loài sinh vật, suy đoán giữa khác biệt về gen và bệnh lý...

Đây mới là bước đầu, cũng như có CD của Hồng Nhung mà không biết làm sao làm máy nghe. Hay có một chương trình tin học rất lớn dưới dạng nhị nguyên mà không có tài liệu giải thích và cho biết cách dùng. Nhưng bước đầu này hứa hẹn những tiến bộ rất lớn trong sinh học và áp dụng trong y học nói riêng. Nhìn dưới góc độ tin học thì mỗi tế bào là một máy tính có 30 000 bộ xử lý chạy song song và cộng tác với nhau. Người ta sẽ có mã các chương trình của mỗi máy tính, không dài lắm, nhưng cũng chưa biết chi tiết chúng hoạt động ra sao. Tương lai còn nhiều khó khăn nhưng mang đầy hứa hẹn.

(còn tiếp)
Hàn Thủy

Một cuộc gặp gỡ

TCHEKHOV, 1887
Người dịch : Miêng

Efrème Denissov mơ màng nhìn vùng đất trơ trụi chung quanh. Cái khát quặn quại, anh khổ sở vì đau đớn khắp châu thân. Con ngựa cũng có vẻ mệt mỏi, kiệt sức dưới cái nóng thiêu đốt và không được ăn uống từ lâu, rũ đầu buồn bã. Con đường dốc lải lải xuống khu rừng thông mênh mông. Những ngọn cây tan loãng tới tận xa tít, cùng màu xanh với bầu trời. Người ta chỉ thấy chim uể oải bay và bầu không khí run rẩy trong những ngày hè oi bức nhất. Khu rừng nổi lên như những ụ đất, càng lúc càng cao và cái thảm xanh quý giá kinh dị này dường như vô tận.

Efrème tới từ làng sinh quán, thuộc tổng trấn Kursk, để quyên tiền cho ngôi nhà thờ bị cháy. Trong xe (1) đặt một tranh thánh vẽ trên gỗ, Đức Mẹ Kazan, mà nắng mưa đã làm phồng hờ và dộp vảy. Trước bức tranh là hộp quyên tiền bằng sắt trắng, thành vách lõm u lên hé một khe khá rộng có thể nhét cái bánh bích qui vào không khó khăn gì.

Một tấm biển trắng đóng đinh sau xe, viết lớn bằng chữ in ngày tháng năm, ở làng Malinovstsy, "Vì thánh ý Chúa, lửa của cơn hoả hoạn đã thiêu hủy nhà thờ", rằng với sự cho phép và ban ơn của những vị có thẩm quyền, cộng đồng đã quyết định phái "những người tình nguyện" đi quyên tiền về xây lại thánh đường. Bên cạnh xe treo cái chuông buộc vào một thanh ngang, nặng khoảng mười kí lô.

Efrème không định được mình đang ở đâu và khu rừng mênh mông không hứa hẹn có cư dân nào ở gần. Anh dừng một lát, sửa lại đai mông ngựa và cẩn trọng đi xuống con đường dốc. Chiếc xe rung rinh, chuông phát ra những âm thanh làm gián đoạn cái im vắng chết người của một ngày nóng thiêu nóng đốt.

Trong rừng, bầu không khí ngột ngạt mùi nhựa gai thông, mùi rêu và mùi lá mục rục lên đón khách. Người ta chỉ nghe tiếng vo ve nhẹ nhẹ vang vang quấy rầy của muỗi và bước chân Efrème dính tai nhức óc. Xuyên qua rừng xanh, các tia nắng lướt mình dọc thân cây và những nhánh chồi bên dưới rồi tạo nhiều vòng tròn nhỏ trên nền đất râm chông chát gai thông. Đó đây một cây dương xỉ hay cây mận còi chìa lên bên cạnh thân cây ; chung quanh chẳng có gì khác.

Efrème vừa bước bên cạnh xe vừa khuyến khích ngựa. Đôi khi bánh xe vấp vào rấn rề cây bò ngang qua đường, cái chuông kêu leng keng phàn nàn như thể ngay cả nó cũng mệt bỏ hơi.

Một giọng cứng ngắt chói tai bỗng vang lên cạnh Efrème :

- Chào ông nội ! Chúc đi đường bình an !

Một nông dân khoảng ba mươi, cặp giò dài, đang nằm cạnh đường, đầu gối lên tổ kiến. Gã bận chiếc sơ mi vải và chiếc quần bó không phải kiểu nhà quê, hai gấu nhét vào ủng đỏ, thấp. Cạnh đầu gã là cái mũ cát-két của nhân viên nhà nước, dơ tới nỗi chỉ một cái

dấu nhỏ của chiếc phù hiệu mới cho phép đoán được màu nguyên thủy. Giấc nghỉ ngơi của gã nông dân có vẻ không yên tĩnh : trong khi Efrème quan sát thì tay chân gã quơ quậy không ngừng như thể bị muỗi xé xác hoặc bị bệnh ghẻ hành hạ. Nhưng mặt mày gã thì coi còn dị hợm hơn quần áo hay cử chỉ nữa. Cả đời, Efrème chưa gặp ai như vậy bao giờ. Xanh xao, tóc thừa thớt, cằm vênh ra, một nhúm lông điểm phía trên trán, nhìn nghiêng trông mặt gã như vàng trắng lưỡi liềm. Mũi và hai tai nhỏ dị kỳ, mắt không linh động và nhìn chăm chặp vào một điểm trong không như mắt kẻ đàn hay người bị điều gì làm kinh ngạc. Và để cho sự kỳ dị được trọn vẹn, cái đầu gã bẹp dí xuống hai bên làm lộ nửa vòng tròn bên dưới của sọ. Efrème hỏi :

- Nè con chiên, nói nghe, từ đây tới làng có xa không ?

- Không, không xa lắm. Tới thị trấn Maloié chừng hơn năm cây số thôi. (2)

- Tớ khát không chịu nổi.

Gã nông dân lạ lùng nói với một nụ cười :

- Làm sao không khát được. Trời nóng khủng khiếp ! Nóng tới năm mươi độ hay hơn... Người ta tên gì nhỉ ?

- Efrème, anh bạn ạ.

- Còn tớ tên là Kouzma. Đẳng ấy có biết câu ngạn ngữ của mấy bà mai không : "Tôi có Kouzma trong tay, ngày mai sẽ là ngày cưới".

Đặt chân trên bánh xe, gã leo lên, chu môi hôn bức tranh thánh, hỏi :

- Đẳng ấy đi xa hả ?

- Xa, anh bạn ạ !... Tôi ở tổng trấn Koursk, tận Moscou, mà bây giờ thì vội vàng tới Nijni cho kịp bữa hội chợ.

- Đẳng ấy đi quyên cho nhà thờ hả ?

- Cho nhà thờ, anh bạn ạ. Cho bà hoàng của các thượng đế Kazan... Nhà thờ chúng tôi bị cháy rồi!

- Sao mà bị cháy ?

Lưỡi dày cộm lên vì mệt, Efrème bắt đầu kể hôm trước ngày thánh Elie, sấm sét đã rớt xuống nhà thờ Malinovstsy như thế nào. Như một sự cố tình, hôm đó cả dân làng và các tu sĩ đều ở ngoài đồng.

- Những người còn ở trong làng thấy khói, muốn đánh chuông báo động, nhưng phải tin là nhà tiên tri Elie phần nọ chúng tôi : nhà thờ khoá cửa, và như vậy là cả gác chuông làm môi cho lửa, không cách nào tới chỗ cái chuông được... Chúng tôi từ đồng trở về thấy toàn thể nhà thờ bị thiêu hủy. Chúa ơi, thấy mà sợ không dám tới gần !

Kouzma vừa nghe vừa đi theo người khách. Gã chưa ăn uống gì mà bước chân thì như người say: hai cánh tay đong đưa, khi thì bước bên cạnh xe, khi thì đi phía trước... Gã dò hỏi :

- Vậy thì họ trả lương cho đảng ấy hay sao ?
- Lương gì ? Chính vì cho linh hồn mà tôi làm. Cộng đồng gửi tôi đi...
- Vậy thì đảng ấy làm miễn phí à ?
- Bạn muốn ai trả công tôi ? Tôi không đi tự nguyện, cộng đồng cử tôi đi, rồi chính cộng đồng sẽ gặt hái, sẽ gieo mạ và sẽ trả thuế cho tôi... Như vậy thì đâu có miễn phí !
- Đảng ấy sống bằng cái gì ?
- Tôi nhân danh Chúa xin của bố thí.
- Và con ngựa thiện này, nó thuộc về cộng đồng à ?
- Thì chớ sao...
- Đây, đây... Đảng ấy có thuốc lá chứ ?
- Tôi không hút thuốc bạn ạ.
- Nếu con ngựa kiệt sức thì đảng ấy làm sao ? Làm sao đảng ấy di chuyển ?
- Sao lại kiệt sức ? Nó không kiệt sức đâu...

Kouzma còn ba hoa đặt cả lối câu hỏi nữa : tiền và con ngựa sẽ ra sao nếu Efrème chết ? Nếu cái hộp đầy tới miệng thì người ta bỏ tiền vào đâu ? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cái đáy hộp sứt ra? Efrème không trả lời được và chỉ vừa thở vừa nhìn người bạn đồng hành, rất đổi ngạc nhiên.

Kouzma nắm tay đẩy cái hộp và liên thoảng :

- Ê, nó đầy quá nè ! Nó nặng cách gì ! Chắc chắn là nó có cả khối tiền bằng bạc trong đó, nhỉ ? Và nếu chỉ toàn những đồng bằng bạc ? Đây, đảng ấy gom góp được nhiều chớ hả ?
- Tôi không đếm, tôi không biết. Người cho tiền đồng, người cho tiền bạc. Nhưng bao nhiêu thì tôi không thấy.
- Còn bạc giấy, có chứ hả ?
- Người giàu và nhà buôn có cho bạc giấy.
- Những tờ giấy bạc đó, đảng ấy cũng để trong hộp à ?
- A không ! Bạc giấy mỏng manh dễ rách... Tôi bọc trong túi trước ngực.

- Và đặng ấy có được bao nhiêu ?

- Khoảng hai mươi sáu rúp. (3)

- Hai mươi sáu rúp, Kouzma vừa nói vừa so vai, quê tớ ở Katchabrov - muốn hỏi ai thì cứ hỏi - nội mấy cái cây trồng ở nhà thờ mà người ta đã cho ba ngàn rúp rồi ! Tiền của đặng ấy không đủ để mua đỉnh ! Thời buổi này, hai mươi sáu rúp không hơn cái khạc ! Bạn già ơi, nội giá trà, đã là một rúp rưỡi nửa kí lô rồi, mà người ta còn không muốn bán... Đặng ấy thấy thuốc tớ hút đây không ? Với tớ thì được, vì tớ chỉ là nông dân, một người giản dị. Nhưng nếu một sĩ quan hay sinh viên...

Kouzma thỉnh thoảng chớp hai tay lại và luôn luôn tươi cười :

- Tại bót cảnh sát, cùng lúc với tớ có một người Đức làm việc ở sở hoà xa. Cái gã ấy, ô bạn già ơi, gã hút xì gà mỗi điều giá mười cô-péc (3). Hả ? Mười cô-péc ! Họ đốt dễ dàng cả trăm rúp mỗi tháng như không. Ông nội nghĩ sao về chuyện đó ?

Gã suýt nghẹt thở vì kỷ niệm dễ chịu này, và cặp mắt bất động bắt đầu nhấp nháy. Efrème hỏi :

- Vậy là bạn đã trải qua bót cảnh sát à ?

- Gì mà họ chỉ mới thả tớ ra hôm qua thôi - Kouzma vừa nói vừa nhìn lên trời - Tớ ở đó một tháng tròn.

Chiều xuống. Mặt trời đã lặn rồi mà cái nóng ngột thở vẫn không giảm. Kiệt sức, Efrème ơ hờ nghe người bạn đường. Họ gặp một nông dân và biết là thị trấn Maloié chỉ còn cách xa chừng hơn cây số. Lại thêm một đoạn đường nữa rồi chiếc xe ra khỏi rừng ; một khoảng rừng trống hiện ra, và như được tạo nên bởi quyền năng ảo thuật, một bức tranh sống động tràn ngập ánh sáng và tiếng ồn xuất hiện trước mắt hai người bộ hành. Chiếc xe đựng một đàn bò, cừu và ngựa bị xích chân. Bên kia đàn thú vật là đồng cỏ, lúa mì và đại mạch xanh ngắt, hoa mạch ba góc nở trắng toát. Xa hơn, thị trấn Maloié và ngôi nhà thờ thấp như sát xuống đất. Sau làng là một khu rừng khác hầu như đen kịt, trải dài ra xa. Kouzma nói :

- Moloié đây rồi. Nông dân ở đây được nuôi chiều sung sướng, nhưng toàn là một bọn cướp đấy.

Efrème bỏ mũ ra và rung chuông. Hai nông dân ở gần giếng bìa làng bước tới cạnh xe. Họ hôn tranh thánh và hỏi những câu quen thuộc như bạn đi đâu, bạn từ đâu tới...

- Đây bà con ơi, phải cho người của Chúa uống cái đã - Kouzma bắt đầu liên thoắng vừa vỗ vai hai người - nhanh lên !

- Làm sao mà tao có họ hàng với mày được ? Từ bao giờ ?

- Giáp trưởng của anh với của tui là bà con cô cậu. Bà ngoại anh đã kéo râu ông nội tui từ làng Krasnoié !

Suốt thời gian chiếc xe tới làng, Kouzma không ngừng tía lia và níu kéo người qua kẻ lại. Gã lấy cái mũ của người này, nện nắm tay vào bụng người khác, kéo râu người kia. Gã gọi các bà các cô nông dân là cung, là nhỏ, là mẹ thương yêu của gã. Đối với các ông

thì tùy theo điểm đặc biệt bên ngoài của họ, hoặc là anh tóc hung, chàng ngựa hồng, anh mũi lõ, anh chột... Cách pha trò này gợi được tiếng cười vui nhộn thẳng thắn. Chẳng bao lâu gã gặp mấy người quen. Nhiều tiếng kêu nổ ran : "A, bỏ đấy hả Kouzma Chkvorenn ! Chào anh bị treo cổ ! Được ra tù bao giờ vậy ?"

- Cho người của Chúa uống cái đã, các bồ ơi, Kouzma vừa lặp đi lặp lại vừa đong đưa hai tay, nhanh lên ! Nhanh hơn nữa !

Gã làm vẻ quan trọng và hét thật to, tự cho mình vai trò che chở hay hướng dẫn "người của Chúa".

Người ta chỉ định Efrème qua đêm trong căn nhà gỗ của bà cụ Avdotia, dân hành hương hay bộ hành thường trú ngụ ở đây. Efrème thông thả tháo ngựa rồi dẫn tới máng nước gần giếng và tán gẫu với mấy người nông dân cả nửa tiếng đồng hồ. Rồi anh đi nghỉ. Kouzma đã đợi anh trong căn nhà gỗ.

- A ông bạn đây rồi ! - gã nông dân kỳ dị kêu lên vui vẻ - Tối quán uống trà không ?

- Trà hả ? Tốt quá - Efrème vừa nói vừa gãi - tốt quá, hẳn rồi, nhưng tôi không có gì cả bạn ạ. Bạn mời tôi hay sao ?

- Mời đằng ấy à... tiền đâu ?

Thất vọng, Kouzma dậm chân tại chỗ, rồi ngồi xuống nghỉ ngơi. Về phần Efrème thì vừa thở dài vừa gãi gãi với cừ chỉ vụng về, anh đặt bức tranh thánh và hộp quyền tiền dưới bàn thờ của căn nhà (4), rồi cởi bỏ quần áo giày vớ, ngồi xuống. Một lát, anh đứng lên, đặt hộp quyền tiền lên ghế dài, ngồi xuống lại và bắt đầu dùng bữa. Anh nhai chậm chạp như bò cái và uống nước ồn ào.

- Mình nghèo quá ! - Kouzma thở ra. Bây giờ mà uống được miếng vodka hay miếng trà thì tuyệt...

Hai cửa sổ nhìn ra đường chỉ để lọt vào chút ánh sáng dè xẻn. Bóng tối bao trùm cả làng, những căn nhà gỗ trở nên tối tăm, đường biên của ngôi nhà thờ đã mờ nhạt, trải rộng ra và dường như chui vào lòng đất... Một ánh đỏ yếu ớt của mặt trời lặn phản chiếu lại, lấp lánh nhẹ nhàng trên chiếc thập giá gác chuông.

Xong bữa, Efrème ngồi bất động hồi lâu, tay đan trên gối, dán mắt vào cửa sổ. Anh đang nghĩ ngợi gì ? Trong cái im lặng của chiều, khi người ta chỉ thấy trước mặt mình một cái cửa sổ mờ đục và phía sau nó thiên nhiên từ từ dịu xuống, khi người ta nghe tiếng sủa khàn khàn của những con chó lạ và tiếng đàn ác-co-đê-ông the the, thì khó lòng mà không tưởng nhớ tới gia đình. Những kẻ sống lang thang, kẻ mà cái khôn cùng, điều bất đả dĩ hay chỉ vì do gàn dở khiến họ phải cách xa người thân - mới hiểu thấm thía là buổi tối yên tĩnh ở một vùng quê xa lạ mới dài dằng dặc và kinh khủng cỡ nào.

Rồi thì, Efrème, đứng trước tượng thánh, ân cần đọc kinh thật lâu. Vừa ngả lưng lên băng ghế để ngủ, anh thở hắt ra một hơi dài và ngay là anh, cũng phải thốt lên :

- Cậu rõ là một người buồn cười... Chỉ trời mới biết cậu được tạo ra như thế nào !

- Tại sao vậy ?

- Tại vì... Cậu không giống người ta. Cậu thường cười ngớ ngẩn, cậu nói không lý do, cậu vừa từ bót cảnh sát ra ...

- Đằng ấy chỉ chực có vậy thôi ! Nhiều khi có nhiều ông rất bảnh ở bót cảnh sát đấy ! Đằng ấy này, bót cảnh sát chẳng là cái quái gì cả, tớ muốn ở đó cả năm, nhưng mà nhà tù thì hoàn toàn khác hẳn. Thiết tình là tớ đã vào tù ra khám ba lần rồi, và không tuần nào mà ở toà án nông dân, người ta không quét cho tớ một trận... Tụi nó đều chống lại tớ, mấy thằng khốn ấy... Cộng đồng muốn đẩy tớ đi Sibérie. Họ đã tuyên bố bản án rồi.

- Chắc cậu cũng xứng với hình phạt đó chứ ?

- Tớ cóc cần ! Người ta có thể sống ở Sibérie như ở mọi nơi khác.

- Còn bố mẹ cậu, còn sống chứ ?

- Ông bà rầy rà tớ quá. ƯỚ, ông bà còn sống, chưa nghèo...

- Cậu đã làm gì cho bố mẹ mở mày mở mặt chưa ?

- Tớ cóc cần... Đối với tớ thì bố mẹ tớ là kẻ thù ghê gớm nhất của tớ, chính ông bà đánh mất tớ ! Ai đã khiến cho cộng đồng chống lại tớ ? Ông bà chó ai, và cái ông chú Stéphane của tớ nữa... Không ai khác cả...

- Làm sao cậu biết được, hả chàng ngốc ? Cộng đồng không cần tới ông chú Stéphane mới biết cậu là người thế nào... Và còn tại sao mấy người nông dân ở đây lại gọi cậu là "anh bị treo cổ" ?

- Tại vì, khi tớ còn bé, thiếu chút nữa là mấy cha nông dân giết tớ rồi. Họ treo cổ tớ lên cây, mấy thằng chết tiệt đó. Tạ ơn Chúa, mấy người nông dân Ermolinsk đi ngang qua thấy, đã cứu tớ...

- Một phần tử vô ích của xã hội !

Efrème vừa nói vừa thở ra. Rồi anh quay mặt vào tường, chẳng bao lâu đã ngáy.

Giữa đêm anh thức dậy ra thăm ngựa thì Kouzma không có đó. Một con bò cái trắng đứng trước cửa mở toang, êm ả nhìn vào lối đi và cạ sừng vào khung cửa. Mấy con chó đang ngủ say. Bầu không khí bình yên tĩnh lặng. Xa xa trong bóng tối, giữa cái im vắng ban đêm, một con gà nước gáy to lên và con chim cú nức nở từng tràng dài.

Tới bình minh, khi Efrème tỉnh dậy lần thứ hai thì Kouzma đang ngồi ở bàn, trên chiếc băng dài, vẻ trầm ngâm. Một nụ cười ngây ngô của người say rượu đông cứng lại trên khuôn mặt xanh xao của gã. Những ý nghĩ hân hoan kích động chắc đang chao lượn trong cái đầu bẹp dí ; gã hớn hên như thể vừa leo núi.

- A, người của Chúa ! - gã nói khi thấy Efrème thức dậy, rồi tiếp theo với nụ cười ngượng ngịu

- Đằng ấy muốn bánh mì trắng không ?

- Cậu đi đâu vậy ? Efrème hỏi.

- Hi-i-i, hi-i-i.

Kouzma làm như vậy cả chục lần và không bỏ nụ cười đông cứng trên mặt, rồi cuối cùng người lão đảo vì cái cười co giật :

- Tớ uống... trà... trà... và rượu vodka.

Rồi gã bắt đầu đông dài kẻ trong quán rượu, gã đã uống trà và vodka với những người chạy xe hàng ghé qua như thế nào. Vừa nói, gã vừa rút trong túi ra mấy que diêm, một phần tư gói thuốc và vài cái bánh mì trắng nhỏ...

- Đây là diêm Thụy Điển, cầm này ! Pxi... - vừa nói gã vừa lần lượt đốt mấy que diêm và châm điếu thuốc - diêm Thụy Điển chính cống ! Xem này !

Efrème vừa ngáp vừa gãi, rồi thỉnh linh như bị chích, anh nhảy dựng, vén sơ mi lên và sờ mó chiếc ngực trần. Rồi cứ dậm chân tại chỗ như gấu, anh cầm từng cái quần cái áo cũ mềm lên khám xét, nhìn dưới chiếc ghế dài, mần mò vào ngực...

- Tiền biến mất rồi ! - anh nói.

Anh bất động trong nửa phút nhìn sững cái ghế với vẻ ngơ ngác rồi bắt đầu tìm kiếm.

- Thánh Nữ Đồng Trinh, tiền biến mất rồi ! Cậu nghe không ? - anh nói với Kouzma - Tiền biến mất rồi !

Kouzma chăm chú ngắm nghía hình vẽ trên hộp diêm, im lặng.

- Tiền đâu ? - Efrème vừa hỏi vừa bước tới phía Kouzma.

- Tiền gì ? - Kouzma hờ hững hỏi giữa hai kẻ rặng, không rời mắt khỏi hộp diêm.

- Thì tiền... mà tôi giữ trên ngực đây !

- Tại sao đằng ấy quấy rầy tớ vậy ? Nếu mất tiền thì tìm đi !

- Tìm ở đâu ? Tiền đâu ?

Kouzma nhìn khuôn mặt đỏ rựng của Efrème và bắt giắc mặt gã đỏ theo :

- Tiền gì ? - Gã vừa la to vừa đứng lên.

- Tiền ! hai mươi sáu rúp ấy !

- Chắc là tao lấy hả ? Mày làm phiền tao quá, thằng khốn !

- Chẳng có gì là khốn nạn cả. Chỉ cần nói cho tôi biết tiền đâu ?

- Chính tao lấy hả ? Tao ? Nói nghe đi : tao lấy hả ? Tao sẽ làm cho mày thấy tiền, đồ chết tiệt, sau đó thì mày sẽ không còn nhận ra cha mẹ mày nữa !

- Nếu không phải mày thì tại sao mày cầm mồm ? Chắc chắn là mày thôi ! Chớ tiền nào mà mày tiếc từng suốt đêm ở quán, rồi còn mua thuốc lá bằng cách nào ? Mày chỉ là một

thằng ngốc, một thằng buồn cười ! Có phải mày gây thiệt hại cho tao đâu. Không, mày gây thiệt hại cho Chúa đây!

- Tao... tao lấy tiền hả ? Bao giờ vậy ? - Kouzma la lên với giọng chát chúa. Gã đưa tay lên và giáng quả đấm vào ngay mặt Efrème.

- Này, cho mày đây ! Muốn nữa không ? Tao đếch cần mày là người của Chúa hay không.

Efrème đành lắc đầu và không nói không rằng, bắt đầu mang giày.

- Đồ bịp bợm - Kouzma la càng lúc càng kích động - nó lấy tiền uống rồi bây giờ buộc tội người khác, cái con chó già này ! Tao, tao sẽ đi kiện ! Mày sẽ nếm mùi lao tù vì tội vu khống và không được thả ra ngay đâu !

- Nếu mày không lấy tiền, thì thôi im đi - Efrème bình tĩnh nói.

- Này, mày cứ soát tao đi.

- Tại sao mày lại muốn tao lục soát mày, nếu mày không lấy gì cả ? Không phải là mày thì thôi được rồi... La lối vô ích : mày không la to bằng Chúa đâu.

Efrème mang giày xong và ra khỏi nhà. Khi anh trở lại, Kouzma mặt vẫn còn đỏ rực, đang ngồi bên cửa sổ, châm một điếu thuốc với hai tay run run. Gã gầm gừ :

- Quỷ già à, bọn chúng rất đông la cà ở đây và đánh lừa thiên hạ. Chỉ với tao, mày vô phước, bạn già à. Mày không đánh lừa được tao đâu. Tao biết rõ mấy trò này quá rồi. Đi tìm người đại diện đi. (4)

- Để làm gì ?

- Để lập bản án. Để người ta xử tội mình trước toà án nông dân !

- Xét xử chúng ta vô ích. Tiền không phải của tao, nó là của Chúa. Để Chúa phán xét chúng ta.

Efrème đọc kinh và mang tranh thánh cùng hộp quyên tiền, ra khỏi căn nhà gỗ.

Một giờ sau xe anh vào rừng. Làng Maloié, ngôi nhà thờ thấp, khu rừng thưa cùng ruộng đồng đã lùi xa và biến mất trong sương mù buổi sáng. Mặt trời đã lên nhưng còn ẩn mình sau khu rừng, chỉ ửng vàng các bìa mây hướng về phía đông.

Kouzma lẻo đẻo theo xe cách một quãng. Gã có vẻ như người bị xúc phạm nặng nề và bất công. Bị cái háo hức muốn nói gặng nhảm nhưng gã làm thinh, cố chờ chính Efrème phá tan bầu im lặng.

- Gây chuyện với đảng ấy chẳng thú vị gì cho tở, nếu không tở sẽ cho đảng ấy nếm đủ mùi - gã nói như nói với chính mình - tở sẽ dạy đảng ấy vu khống người khác, đồ quỷ sói...

Nửa giờ trôi qua trong im lặng. Người của Chúa vừa đọc kinh vừa bước, làm dấu thánh vôi vàng, thở ra thật sâu và bắt đầu tìm bánh mì trong xe.

- Tụi mình sắp tới Telibéievo rồi - Kouzma bắt đầu - toà hoà giải của tụi tớ ở đó. Đẳng ấy cứ việc kiện đi.

- Cậu nói để chẳng nói gì cả. Chuyện đó ăn nhằm gì tới ông toà ? Có phải tiền của ông đâu ? Tiền của Chúa. Cậu sẽ biện minh trước Chúa thôi.

- Thằng chả chỉ biết lải nhải : Chúa ! Chúa ! Cứ như con quạ. Như vậy nè : nếu tớ ăn cắp, phải xét xử tớ. Nếu không thì đẳng ấy phải trả lời về tội vu khống của mình.

- Làm như thể tôi có thì giờ chạy theo mấy cái toà án !

- Vậy thì đẳng ấy không tiếc tiền à ?

- Tại sao tôi lại tiếc ? Không phải tiền của tôi, tiền của Chúa mà...

Efrème miễn cưỡng trả lời, không xao động, và mặt anh lạnh lùng thản nhiên như thể không tiếc tiền hay đã quên sự mất mát rồi. Vẻ lạnh lùng này làm Kouzma bối rối và kích động bởi đối với gã đó là điều khó hiểu.

Đáp lại sự tội lỗi bằng mưu mẹo hay hung bạo là chuyện bình thường, chớ lảng nhục bằng sự thản nhiên như vậy gây nên một nỗi dằn vặt làm kẻ gây hấn trở thành bị tấn công. Nếu Efrème phản ứng như mọi người, tức nếu anh giận dữ, nếu anh gây gổ với kẻ tấn công, nếu anh đâm đơn kiện và quan toà kết án tù Kouzma hay xếp vụ án lại vì "thiếu bằng cứ", thì hẳn Kouzma đã được yên lòng ; còn bây giờ, bước theo chiếc xe, gã có vẻ như người thiếu thốn một cái gì.

- Tớ không lấy tiền của đẳng ấy ! - gã nói.

- Cậu không lấy thì thôi, đừng nói tới chuyện đó nữa.

- Khi tới Télibéievo, tớ sẽ kêu cứu người đại diện. Ông ta sẽ làm sáng tỏ vấn đề !

- Không có gì phải làm sáng tỏ cả. Tiền không phải của ông ta. Còn cậu, anh bạn ạ, tốt hơn là cậu để tôi yên. Hãy đi đường của cậu đi ! Tôi đã chán nhìn thấy cậu rồi.

Kouzma nhìn trộm hồi lâu, bối rối, cố tìm hiểu những ý nghĩ trong đầu bạn đồng hành và ý đồ khủng khiếp chắc phải che giấu trong lòng ; cuối cùng gã quyết định đổi giọng :

- Đồ láu cá, ngay cả cười với thằng chả cũng không được nữa - gã chột nổi nóng ... Ê đây này, tiền của ông đây này ! Chỉ là đùa chơi ấy mà !

Gã rút ra khỏi túi mấy tờ bạc một rúp và chìa cho Efrème.

Như đã chờ đợi chuyện này, không biểu lộ ngạc nhiên, cũng không vui, người này cầm tiền và im lặng nhét vào túi.

- Tớ chỉ muốn đùa một tí - Kouzma vừa tiếp lời vừa dò xét nét mặt dửng dưng của người kia - tớ muốn làm cho đẳng ấy sợ. Tớ tự nhủ ê, mình sẽ làm cho anh chàng hoảng lên, rồi sáng hôm sau thì trả lại. Có hai mươi sáu rúp tất cả, còn lại chín hay mười... Mấy thằng

cha xe hàng lấy hết của tớ... Đừng giận nghe, ông nội ! Không phải tớ uống đâu, mấy thằng ôn dịch xe hàng đấy... Tớ thề trước Chúa !

- Tại sao tôi phải giận ? Tiền của Chúa mà. Không phải cậu tán công tôi đâu, mà là tán công bà Hoàng của các Thượng đế đấy...

- Tớ chỉ uống có một rúp thôi, chính công...

- Ăn thua gì tới tôi cơ chứ ? Cậu có thể xài hết cho việc nhậu nhẹt, tôi cũng cóc cần. Là một rúp hay một kô-pếch, đối với Chúa cũng như nhau. Cũng cùng một giá.

- Thôi đừng giận mà, ông nội ! Thiệt tình, đừng giận. Thiệt mà !

Efrème giữ im lặng. Kouzma nhấp nhấp mí mắt, khuôn mặt gã diễn tả vẻ trẻ thơ và thảm hại.

- Tha lỗi cho tớ, vì tình yêu của Chúa - gã nói và nhìn vào gáy Efrème với vẻ van nài. Đừng giận, ông nội à. Chỉ là đùa chơi thôi mà !

- A, cuối cùng thì cậu quấy rầy tôi quá - Efrème nói, bực dọc - tôi đã nói với cậu rồi, không phải tiền của tôi - Cậu hãy xin Chúa tha tội cho, còn tôi thì chẳng liên can gì vào đó cả.

Kouzma nhìn bức tranh thánh, bầu trời, cây cối, như thể tìm kiếm Chúa, rồi mặt gã co lại trong nỗi khiếp hãi. Trước sự im vắng của khu rừng, vẻ nghiêm nghị của bức tranh, sự thân nhiên khác thường và vô nhân đạo của Efrème, gã cảm thấy lẻ loi, vô phương tự vệ, như bị giao cho một Thượng đế hung ác và giận dữ phán xét.

Gã chạy lên đến trước mặt Efrème nhìn thẳng vào mắt anh như để tin chắc là gã không phải một mình :

- Tha lỗi cho con, nhân danh Chúa - gã nói, run rẩy cả người - tha lỗi cho con, ông nội ơi !

- Để tôi yên nào !

Kouzma nhìn một lần nữa lên trời, cây cối, chiếc xe, bức tranh thánh, rồi sụp xuống chân Efrème. Trong cơn hãi hùng, gã bập bẹ cái gì không đầu đuôi, đập trán xuống đất, ôm ghì lấy chân Efrème và oà khóc như một đứa bé.

- Ông nội thân yêu ! Bạn thân yêu ! Người của Chúa !

Trước tiên là lúng túng, Efrème lùi lại đẩy người van nài, rồi tới phiên anh lại chiêm ngưỡng bầu trời với lòng sợ hãi. Cảm thấy nỗi lo âu và tội nghiệp đứa ăn cắp, anh thuyết giáo :

- Khoan đã nào, anh bạn, nghe tôi này ! Nghe những điều tôi sắp nói đây này, anh ngốc ạ ! Ờ, gì mà tử tế như đàn bà vậy ! Này, nếu cậu muốn Chúa tha tội cho, thì ngay khi về tới làng cậu, hãy đi tìm ông giáp trưởng... Cậu nghe không đấy ?

Và anh bắt đầu giải thích cho Kouzma nghe làm thế nào để xóa bỏ tội lỗi : trước hết là phải thú tội với ông giáp trưởng, làm phép giải tội, rồi thì thu góp và gửi tới Malinovsty số tiền đánh cấp uống rượu ; và trong tương lai thì phải cư xử ngay lành chân thật, phải nhã nhặn đúng tư cách một người có đạo. Nghe mấy lời đó, Kouzma dịu dần ; chẳng bao lâu gã có vẻ như quên mất nỗi buồn ; gã chọc phá Efrème, gã liến thoắng... Không một phút ngừng nói, gã kể chuyện của những người sống sung sướng được nuông chiều, chuyện ở bót cảnh sát, chuyện người Đức, chuyện trong tù - tóm lại, gã lặp lại những gì đã kể hôm trước. Rồi gã cười dòn tan, đập tay lại, bước lùi về nghiêm trọng như thể kể điều gì mới mẻ lắm. Gã diễn tả một cách thoải mái với cung cách của người mài nhẵn gót giày khắp nơi, điểm câu chuyện bằng những câu khôi hài hay châm ngôn ; coi vậy chớ nghe thì khiếp lắm, bởi vì gã lặp đi lặp lại, thường ngừng giữa chừng để nắm bắt ý nghĩ lạc lối, rồi nhúu mày, xoay vòng, vung vẩy cánh tay... Và toàn là những điều huênh hoang láo lếu !

Đến trưa, khi xe dừng lại ở Télibéievo, Kouzma vào quán rượu. Efrème nghỉ ngơi hai tiếng đồng hồ mà người kia cũng chưa rời khỏi quán. Người ta nghe tiếng gã thề thốt, khoe khoang và đập tay lên quày, trong khi những nông dân say sưa thì chế diễu gã. Và khi Efrème rời làng, một trận xô xát bắt đầu xảy ra quán : Kouzma hăm dọa ai đó với giọng chói tai và la to lên là gã sẽ đi tìm cảnh sát.

Dịch theo bản Pháp văn
"Une Rencontre", của Génia CANAC
MIENG
Paris, Mai 1998-Aout 2000

Chú thích của người dịch :

- (1) Bản tiếng Pháp : la télègue : xe ngựa 4 bánh ở Nga.
- (2) Năm verstes ; 1 verste = 1067 mét.
- (3) 1 rouble ăn 100 kopecks, tiền Nga vào thế kỷ 17.
- (4) Trong một góc, người ta đặt tranh thánh và ngọn đèn nhỏ, gọi là "góc đỏ", nơi thiên liêng của căn nhà. Ăn cắp đồ đạc để chỗ này là nghịch đạo.
- (5) Tiếng Nga : Starosta, là người đại diện nông dân, làm trung gian giữa chủ đất và tá điền.

Về vấn đề lấy từ trong tiếng Việt

Nguyễn Phú Phong

I. Mở đầu

Ví dụ ta lấy từ **héo**.

Muốn làm giảm nghĩa của héo, ta có hai cách :

- hoặc dùng cú pháp từ hơi, ta có **hơi héo**
- hoặc dùng từ pháp bằng cách lặp lại từ héo nhưng lại thay đổi thanh điệu, ta sẽ có **heo héo**.

Phương pháp thứ hai gọi là **láy** rất thông dụng trong tiếng Việt. Rất nhiều tác giả, Việt Nam cũng như ngoại quốc, khi nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt đều có đề cập đến vấn đề lấy từ. Nhưng các tác giả này, người thì không phân biệt những từ lấy sống với những từ lấy chết, người thì sau khi đã phân biệt hai diện sống/chết của sự lấy vẫn xếp những từ thuộc loại sống vào các từ thuộc loại lấy chết.

Thế nào là lấy sống và lấy chết ?

Lấy sống là một sự lấy sinh động mà mỗi người Việt hoặc thông hiểu tiếng Việt có thể từ một từ gốc tạo thành một từ lấy theo qui luật hoặc đã thấm nhận được qua kinh nghiệm hoặc đã được minh định rõ ràng sau một cuộc tìm tòi nghiên cứu. Ví dụ từ **heo heo** ở trên đã được tạo ra do một sự lấy sống mà sau đây chúng tôi sẽ nêu rõ những đặc điểm của nó.

Trái lại sự lấy chết là một hiện tượng đã hết khả năng sản xuất. Những từ lấy chết đến với ta như một hiện tượng đã hình thành, ta không biết hoặc chưa biết vì đâu mà chúng có. Những từ lấy chết không thể là những mô hình từ đó chúng ta có thể tạo ra những từ mới trong hiện tại. Từ nhỏ nhẻ (từ gốc : nhỏ) là một ví dụ.

Trong bài này chúng tôi chỉ xét đến hai loại lấy sống : lấy giảm như đã nói ở trên và lấy tăng mà sau đây là một ví dụ : héo > heo heo (rất héo). Hơn nữa chúng tôi chỉ đề cập đến hai loại lấy này trên một từ loại chính : động từ trạng thái (hoặc là hình dung từ theo một số đồng tác giả).

II. Sự khác biệt giữa lấy tăng và lấy giảm

Về nhiệm vụ ngữ nghĩa (fonction sémantique), sự khác biệt giữa hai loại lấy trên đã quá rõ. Nhưng sự khác biệt này đi đôi với những sự khác biệt về hình thức (différences formelles) nào, đó là câu hỏi cần được giải đáp.

Trong luận án trình tại Đại học Paris VII tháng 3, 1973, và được xuất bản thành sách (Nguyễn phú Phong, 1976, tr. 47-51), chúng tôi đã nêu ra ba điểm khác biệt như sau :

1. Về hướng lấy (lấy từ gốc làm chuẩn)

Lấy giảm luôn luôn được thực hiện từ mặt qua trái. Như vậy thứ tự của các thành tố sẽ là : từ đệm-từ gốc : héo > heo heo.

Hướng lấy tăng có thể là :

- từ mặt qua trái ; thứ tự các thành tố là : từ đệm-từ gốc. Ví dụ : con > cón con.
- từ trái qua mặt; thứ tự các thành tố là : từ gốc-từ đệm. Ví dụ : héo > heo heo.

2. Về số lần lấy

Nếu n là số lần lấy, thì

- với lấy giảm, $n = 1$
 héo > heo héo

- với lấy tăng, $n \geq 1$
 héo > héo heo ($n = 1$)
 héo > héo hèo heo ($n = 2$)
 héo > héo hèo hèo heo ($n = 3$)

Lẽ dĩ nhiên, n có giới hạn trên là $n \leq 5$, vì trong tiếng Việt, phương ngữ giàu thanh điệu nhất cũng chỉ có 6 thanh (ton), và trong khi lấy ta không kể thanh của từ gốc.

Tóm lại :

$n = 1$: lấy giảm và lấy tăng

$2 \leq n \leq 5$: lấy tăng

Lấy nhiều lần chỉ có thể làm tăng nghĩa mà thôi.

Chú ý : Vì lấy tăng là một hiện tượng hai hướng và có thể làm nhiều lần nên các thành tố trong một từ lấy tăng có thể theo thứ tự : từ đệm ... từ gốc ... từ đệm ...

Ví dụ : sạch > sách sạch sành sanh.

3. Về cách xếp đặt thanh điệu

6 thanh điệu trong tiếng Việt được xếp đặt theo bảng sau đây :

		Bằng	Trắc	
			ngắn	dài
	âm tăng			
	cao	0	↗	↘
	thấp	↘	■	~

Căn cứ theo bảng này, ta nhận thấy dấu từ gốc có thanh điệu nào đi nữa, thanh điệu của một từ đệm trong một từ lấy giảm vẫn chỉ là thanh bằng cùng âm tăng với thanh điệu từ gốc.

Ví dụ :

láng	>	lang láng	(0 ← ↗)
nhỏ	>	nho nhỏ	(0 ← ↘)
nặng	>	nàng nặng	(0 ← ●)
sẽ	>	sè sẽ	(0 ← ~)

Tóm lại, trong sự lấy giảm thì 2 thanh bằng là 2 điểm hội tụ (point focal) của các thanh điệu cùng âm tăng. Trong sự lấy này 6 thanh điệu được chia theo chiều ngang thành 2 nhóm cao thấp và theo chiều dọc thành 2 nhóm bằng trắc, còn yếu tố ngắn dài không có ảnh hưởng gì cả.

Cũng có trường hợp ngoại lệ như khê > khe khê (thay vì khè khè).

Một nhận xét nữa là nếu ta lấy từ gốc làm chuẩn thì trong sự lấy giảm, hướng lấy và hướng xô dịch của thanh điệu (căn cứ theo bảng xếp đặt ở trên) là một, nghĩa là từ mặt qua trái.

Trái lại hướng xô dịch của thanh điệu trong sự lấy tăng không đồng nhất :

$$A = (n - k) [(k + 1) (k + 2) (k + 3) \dots (n - 2) (n - 1)]$$

Với một từ gốc không có âm cuối là p, t, c, ch thì n : 6

- nếu lấy 5 thì k = 0 (tất cả 6 thanh điệu đều được sử dụng)

$$A = 6. 1.2.3.4.5 = 720 \text{ từ lấy}$$

- nếu lấy 4 lần thì k = 1

$$A = 5. 2.3.4.5 = 600 \text{ từ lấy}$$

- nếu lấy 3 lần thì k = 2

$$A = 4. 3.4.5 = 240 \text{ từ lấy}$$

- nếu lấy 2 lần thì k = 3

$$A = 3. 4.5 = 60 \text{ từ lấy}$$

- nếu lấy 1 lần thì k = 4

$$A = 2. 5 = 10 \text{ từ lấy}$$

Vậy trên lý thuyết, với một từ gốc, chúng ta sẽ có tối đa là 1630 từ lấy với điều kiện là từ gốc không có âm cuối vẫn là những phụ âm tắc p, t, c, ch, hoặc nếu có thì những phụ âm tắc này phải chuyển qua những phụ âm mũi (consonnes nasales) tương ứng khi gặp những thanh / 0 / , / huyền / , / hỏi / , / ngã /

p - m **hẹp > hèm hẹp**

t - n **sát > san sát, sát sà sạt**

c - ng **rực > rùng rực**

ch - nh **sạch > sành sạch, sách sạch sành sanh**

Trong 1630 từ lấy này, ta trừ ra một từ lấy thuộc loại lấy giảm, số còn lại 1629 từ thuộc loại lấy tăng.

Vì chúng ta biết đặc điểm chung của hai loại lấy giảm và tăng - chúng đều là loại lấy thay đổi thanh điệu - , vì chúng ta biết các đặc điểm riêng của loại lấy giảm (như đã nêu ở mục II), bằng phương pháp loại trừ chúng ta có thể kết luận về đặc điểm của loại lấy tăng như sau : bất kỳ từ lấy nào thoát thai từ một phép lấy chỉ thay đổi thanh điệu mà thôi, mà không có đặc điểm của một từ lấy giảm, thì chỉ có thể là một từ lấy tăng.

IV. Những mô hình của sự lấy tăng và mức độ chấp nhận của những mô hình ấy.

Với một từ gốc, chúng ta có 1629 từ lấy tức là 1629 mô hình. Vì lấy tăng chỉ là một loại lấy thay đổi thanh điệu thì 1629 mô hình trên chung qui chỉ là 1629 cách xếp đặt khác nhau của vừa là tổng số 6 thanh điệu kia, với điều kiện dĩ nhiên là trong từng phần này phải luôn luôn có một thanh điệu của từ gốc.

Trong 1629 mô hình này, có bao nhiêu mô hình được chấp nhận ? và những mô hình nào ? Chúng ta lại phải bàn tới tiêu chuẩn chấp nhận. Chúng ta có những mô hình chắc chắn được chấp nhận vì đã được xác nhận, trong lời nói của dân gian, trong các bài viết, và những mô hình khác mà khả năng được chấp nhận thuộc nhiều yếu tố khác nhau, chúng tôi sẽ lần lượt nói đến.

1. Các mô hình đã được xác nhận trong văn viết và lời nói dân gian

Những từ lấy trong các mô hình không quá 4 thành tố :

/ • \ 0	sạch > sách sạch sành sanh
/ ? \ 0	héo > héo hèo hèo heo
? \ 0	con > cón còn con
/ \ •	sát > sát sà sạt
/ \ 0	loe > loé loè loe
/ ? \	hé > hé hê hê
/ •	bự > bứ bự , xóp > xốp xốp
? 0	con > cón con
? •	vện > vèn vèn
0 ?	thui > thui thúi (đen thui thúi)

2. Những mô hình khác

Có những mô hình, chúng tôi chưa từng gặp bao giờ, trong khi đọc cũng như trong khi nghe và nói, nhưng không vì thế mà có thể tiên quyết cho chúng là không chấp nhận được.

Ví dụ như từ láy 6 thành tố dưới đây :

héo > héo hẻo hẻo heo hèo heo

Tôi đã đem từ láy này điều tra và ai cũng cho rằng mình chưa từng gặp một từ láy như vậy nhưng ai cũng nghĩ rằng từ này không có lý do gì không thể chấp nhận được.

Chúng tôi nghĩ rằng ngôn ngữ là một phương tiện giao tiếp thường được dùng đến một cách phải chăng, không thừa thãi. Vậy trong câu chuyện bình thường, một từ láy 4 thành tố cũng đủ rồi, chẳng cần đến 6 thành tố nhưng nếu vì một lý do nào đó người nói chuyện muốn thêm thắt thêm lời nói của mình thì láy 5 lần là một khả năng chấp nhận được.

Một yếu tố khác có liên quan đến phương ngữ : Đối với người Việt từ Huế trở vào, thanh / **hỏi** / và / **ngã** / không được phân biệt, vậy một từ láy 5 thành tố là tối đa.

Có thể sự hài thanh là một điểm quan trọng trong việc chấp nhận một từ láy. Ví dụ với từ gốc **con** , các từ láy sau đây đã làm nhiều người phân vân, ngập ngừng, không dứt khoát :

cón cón cón cón	✓	?	•	0
cón cón	•	0		
cón cón	✓	0		
cón cón	✓	0		

Các người được hỏi, ngay lúc ban đầu, đều nói rằng sự kết hợp thanh điệu trong các từ trên nghe không thuận tai và vì thế các từ này khó chấp nhận được, nhưng sau khi lắng nghe một hồi lại tỏ vẻ không nhất quyết. Muốn hiểu rõ vấn đề, chúng ta cần phải xúc tiến một cuộc nghiên cứu kỹ càng hơn bằng phương pháp thống kê và điều tra. Nhưng ở trong bất kỳ ngôn ngữ nào cũng thế, thường thường có sự so le giữa khả năng (compétencd) và sự vận dụng (performance) và tùy theo mục tiêu của chúng ta, khảo sát ngữ pháp về khả năng hoặc về vận dụng mà đặt vấn đề. Tiện đây, chúng tôi cũng xin nêu ra một sự kiện có liên quan đến đề tài này. Hồi nhỏ, lúc chúng tôi khoảng 3 tuổi, mỗi lần vú chúng tôi muốn dỗ chúng tôi nín khóc thường bảo :

"Ngày mai, ngày một, ngày kia, ngày kia, ngày kia, ngày kia, ngày kia, vú sẽ mua cho con một con ngựa".

Vú tôi là một người đàn bà miền Trung, không biết đọc, không biết viết nhưng đã vận dụng được một cách phong phú khả năng về thanh điệu của tiếng Việt để làm tăng dần khoảng cách giữa thời điểm này với thời điểm khác và đã thành công trong việc truyền bá ý nghĩ của mình tới một đứa bé mới 3 tuổi.

Bây giờ tôi thử tìm trong các từ điển, nhiều nhất tôi chỉ thấy được 3 từ mà thôi : kia, kia, kia (2). Như vậy đã có sự so le giữa ngôn ngữ viết và nói, và trong ngôn ngữ nói thì như ta đã thấy, mức độ chấp nhận của sự vận dụng còn tùy thuộc nhiều yếu tố khác, những yếu tố này đôi khi lại nằm ở ngoài ngôn ngữ (ví dụ như yếu tố trí nhớ : nói một câu dài quá, có nhiều câu lồng (phrase enchâssée) quá khó được chấp nhận vì không ai có thể nhớ hết từ đầu đến cuối của câu này để hiểu chẳng hạn, mặc dầu câu nói vẫn đúng ngữ pháp hoàn toàn).

V. Kết Luận

Những nhận xét sơ khởi trình bày ở trên có mục đích gợi ý và gây ra những suy nghĩ về sự vận dụng cũng như khả năng của tiếng Việt, đồng thời cũng nêu ra những câu hỏi băn khoăn của người làm công tác nghiên cứu, đối với chính đối tượng của mình và với chính mình.

Tuy thế, những kết quả của sự nghiên cứu về lấy tăng và lấy giảm vẫn có cơ áp dụng, vào việc làm từ điển chẳng hạn. Trong các từ điển hiện nay, sau một từ đơn âm thuộc loại động từ chỉ trạng thái, khi thì có ghi từ lấy giảm tương ứng, khi thì không. Từ lấy tăng tương ứng rất hiếm khi được ghi và giải nghĩa. Như vậy chúng ta có thể đi đến kết luận rằng những từ lấy không được ghi là những từ không thể có được trong tiếng Việt và như thế là làm. Các nhà làm từ điển có thể nghĩ rằng vì lý do tiết kiệm, chỉ cần ghi những từ lấy thường gặp thấy mà thôi, còn những từ lấy khác cùng loại khi gặp trong sách vở, độc giả cũng hiểu được bằng cách suy diễn. Lập luận như thế, nếu có, thì thật chủ quan và nếu là chủ quan thì không khoa học. Chúng tôi đề nghị giải pháp sau :

- nếu muốn tiết kiệm hoàn toàn : khỏi cần phải ghi các từ lấy giảm và tăng nữa nhưng ở phần ngữ pháp của cuốn từ điển (vì từ điển nào cũng cần có phần ngữ pháp) phải có giải thích rõ ràng các đặc điểm của hai sự lấy tăng và giảm với những ví dụ cụ thể.

- vừa muốn tiết kiệm vừa muốn thực dụng : cứ tiếp tục ghi những từ lấy tăng và giảm thường dùng nhưng phải có phần giải thích chung về đặc điểm của hai loại lấy này.

Ngoài ra, trong bài này, chúng tôi chỉ đặt vấn đề lấy tăng và giảm qua sự lấy có thay đổi thanh điệu. Hai loại lấy này cũng có thể thực hiện qua loại lấy toàn diện (redoublement complet) (3) nhưng vì khuôn khổ bài này, chúng tôi không tiện đề cập đến.

Sự lấy tăng và giảm ở đây cũng chỉ được bàn đến trên diện đồng đại (aspect synchronique). Chúng tôi sẽ có dịp trở lại trên diện lịch đại (aspect diachronique).

Chú thích

(1) Thanh bằng cao ở đây có khi được ghi bằng dấu 0 cho dễ nhận ra.

(2) Từ kia chỉ được tìm thấy trong quyển Việt Nam Tự Điển của Lê văn Đức và Lê ngọc Trụ - Nhà x.b. Khai Trí, Sài-Gòn, 1970.

(3) Chi tiết đầy đủ về sự lấy toàn diện đã được trình bày trong sách đã dẫn của Nguyễn Phú Phong, tr. 53-54.

Tài liệu tham khảo

Maspero, H. "**Etude sur la phonétique historique de la langue anamite**", Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, 12, 1-123, 1912

Nguyễn Tài Cẩn, **Ngữ pháp tiếng Việt**, Hà nội, Nhà xuất bản đại học và trung học chuyên nghiệp, 1975

Nguyễn Phú Phong, **Le syntagme verbal en Vietnamien** (Đoạn ngữ động từ tiếng Việt), Paris, La Haye, Mouton, 1976

Nguyễn Kim Thản, **Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt**, Hà nội, Nhà xuất bản khoa học, tập I, 1963

Thompson, L.C., **A Vietnamese grammar**, Seattle, The University of Washington Press, 1965.

LÝ THƯỜNG KIỆT VÀ TRẬN ĐẠI THẮNG Ở NHƯ NGUYỆT

NĂM ĐINH TÝ (1077) TRONG TÌNH CẢM CỦA ĐẠI THIÊN SƯ PHÁP BẢO

NGUYỄN KHẮC THUẦN

Lý Thường Kiệt vốn có họ và tên thật là Ngô Tuấn, người làng Bắc Biên, xã Phúc Xá (nay thuộc xã Ngọc Thụy, huyện Gia Lâm, Hà Nội), sau ông dời nhà về định cư phường Thái Hòa (nay thuộc nội thành Hà Nội). Ngô Tuấn tự là Thường Kiệt, sau vì có công, được triều đình ban thưởng rất trọng hậu, lại còn cho lấy theo họ của Hoàng Đế nhà Lý, đương thời liền nhân đó ghép họ được ban với tên tự mà gọi là Lý Thường Kiệt, mãi rồi thành quen, khiến cho không ít hậu sinh quên mất cả họ lẫn tên thật của ông. Ông sinh năm Kỷ Mùi (1019), mất năm Ất Dậu (1105), hưởng thọ 86 tuổi.

Trong quân sự, Lý Thường Kiệt là bậc đại danh tướng, là linh hồn của những chiến công lớn nhất lịch sử nước nhà trong thế kỷ thứ XI; Trong chính trị, Lý Thường Kiệt là đấng đại danh thần, là chỗ dựa tin cậy và vững chắc của nhà Lý, nhất là dưới thời trị vì của Hoàng Đế Lý Nhân Tông (1072-1127); Trong lịch sử văn học, Lý Thường Kiệt là cây đại bút, tác giả của Nam quốc sơn hà - áng hùng thi có giá trị thiêng liêng như bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất của nước nhà. Trong bộ bách khoa toàn thư đồ sộ của mình là Lịch triều hiến chương loại chí (Nhân vật chí), nhà bác học Phan Huy Chú viết về Lý Thường Kiệt như sau: "Ông là người giàu mưu lược lại rất có biệt tài làm tướng sù, từng làm quan trải thờ đến ba đời Hoàng Đế (gồm Lý Thái Tông : 1028-1254, Lý Thánh Tông : 1054-1072 và Lý Nhân Tông : 1072-1127 - NKT), phá Tống, bình Chiêm, công lao đức vọng ngày một lớn, được sùng ái, thật xứng là người đứng đầu các bậc công hầu vậy".

Năm 1069, Lý Thường Kiệt được cùng với Hoàng Đế Lý Thánh Tông cầm quân đánh thắng vào Nam, trừng trị đích đáng hành vi quấy phá của Chiêm Thành và bẻ gãy mưu đồ lợi dụng Chiêm Thành mà nhà Tống đã công phu chuẩn bị từ nhiều năm trước. Năm 1075, Lý Thường Kiệt là người trực tiếp vạch kế hoạch, đồng thời cũng là tướng tổng chỉ huy quân đội Đại Việt, bất ngờ tiến như vũ bão sang Trung Quốc, san bằng ba căn cứ lớn ở Ung Châu, Khâm Châu và Liêm Châu, tiêu diệt một phần tiềm năng quân sự rất quan trọng của nhà Tống. Năm 1077, một lần nữa, Lý Thường Kiệt vừa là người trực tiếp vạch kế hoạch, lại cũng vừa là tướng tổng chỉ huy quân dân Đại Việt trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại chống quân Tống xâm lăng. Với trận đại thắng lẫy lừng ở trận quyết chiến chiến lược Như Nguyệt (tháng 3 năm Đinh Tỵ - 1077), tên tuổi của Lý Thường Kiệt đã trở nên bất diệt với lịch sử nước nhà. Dư âm của trận Như Nguyệt vang khắp bốn phương, khiến cho các nhà tu hành Phật Giáo lúc bấy giờ cũng không ngớt lời tán thưởng.

Sau trận đại thắng ở Như Nguyệt, Lý Thường Kiệt được bổ làm Tổng Trấn Thanh Hóa (đất này từ thời Thiệu Trị mới vì lệ kỵ húy mà đổi gọi là Thanh Hóa). Bấy giờ có thầy học của Linh Nhân Hoàng Thái Hậu (tức bà Ý Lan - thân mẫu của Hoàng Đế Lý Nhân Tông) là Sùng Tín Đại Trưởng Lão từ Thăng Long vào chơi, Lý Thường Kiệt liền nhờ Sùng Tín Đại Trưởng Lão tìm đất để dựng chùa và Sùng Tín Đại Trưởng Lão đã chọn khu đất nằm ở phía Nam núi Ngưỡng Sơn. Đất này xưa thuộc xã Ngọ Xá, huyện Vĩnh Lộc, nay thuộc xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Chính Lý Thường Kiệt là người đã trực tiếp trông coi việc xây cất ngôi chùa này. Sau bốn năm (1085-1089) thì khánh thành, Lý Thường Kiệt đặt cho tên gọi là chùa là Linh Xứng.

Từ khi có thêm chùa Linh Xứng, Phật tử vốn dĩ đã rất nể trọng Lý Thường Kiệt lại càng có phần nể trọng hơn. Thiên Sư Thích Pháp Bảo (tức Giác Tính Hải Chiếu Đại Sư) là người có cơ may được chứng kiến sự kiện khá đặc biệt này. Theo ghi chép của các thư tịch cổ như : Vĩnh Lộc huyện phong thổ chí lược, Ái Châu bi ký, Thanh Hóa tỉnh chí, á.v.v. thì sau khi Lý Thường Kiệt qua đời, chính Thích Pháp Bảo là người đã có vinh dự được giao việc soạn bài văn bia cho chùa Linh Xứng. Và, Thích Pháp Bảo đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khó khăn này. Khoảng đầu thế kỷ XX, chùa Linh Xứng bị đổ nát hoàn toàn, tuy nhiên, tấm bia trên đó có khắc bài Ngưỡng sơn Linh Xứng tự bi minh (bài minh khắc trên bia để tại chùa Linh Xứng ở Ngưỡng Sơn) do Thích Pháp Bảo soạn thì vẫn còn. Đó thực sự là một trong những tác phẩm

văn học sáng giá của thế kỷ thứ XI. Bài này khá dài, vì thế, chúng tôi chỉ xin trích dịch và giới thiệu với bạn đọc vài ba trích đoạn ngắn mà thôi.

Thứ nhất là trích đoạn kể về việc xây dựng chùa Linh Xứng : " Thế là cùng nhau phát hết những bụi cỏ rậm, bạt hết những tảng đá to ; Thầy phong thủy thì xét hướng, thợ lành nghề thì vẽ kiểu, các quan thì góp tiền, sĩ dân khắp nơi cũng cùng nhau kéo tới ; Bấy giờ, ai kém sức thì bảo hoặc gọt, ai giỏi nghề thì dựng hoặc xây ; Chùa Phật rộng thênh thang nằm ở giữa còn phòng chay rộng rãi thì ở hai bên ; Phía sau chùa có tháp Chiêu An cao chót vót những chín tầng. Chùa mở cửa bốn bên và cửa nào cũng có song tiện, phía trong lại có rèm the. Tiếng gió rung chuông bạc quyện với tiếng chim rừng ; Nắng soi tháp báu, sắc vàng điệp lung linh ; Quanh lan can trồng đầy hoa cỏ à đúng là cảnh thức tỉnh hồn mê, xua tan mọi nỗi niềm tục lụy ".

Đoạn thứ hai là những lời ca ngợi công đức của Lý Thường Kiệt, chân thành, thấm thiết và cũng thật là cảm động : "Lúc còn trẻ, Thái Úy (chức của Lý Thường Kiệt - NKT) được chọn vào cấm đình, hầu Thái Tông Hoàng Đế chưa đầy một kỷ (một kỷ là mười năm - NKT) mà tiếng thơm đã nức nở khắp hoàng cung. Đến khi Thánh Tông Hoàng Đế nối ngôi trị nước, Thái Úy lại hết lòng phò tá, là người luôn ra sức siêng năng, thật là nổi bật trong hàng tả hữu, cho nên mới được gia phong hàm Kiểm Hiệu Thái Bảo. Khi nước Phật Thệ (tức Chiêm Thành - NKT) khinh nhờn phép tắc, chẳng chịu vào châu, vương sư liền rầm rộ tiến đánh. Thái Úy thao lược hơn đời, được vào cấm cung để nhận mưu lược, ước chế quân luật thật nghiêm để đánh quân thù. Hoàn Vương (chỉ vua Chiêm Thành - NKT) hết đường chạy trốn, đành phải tự bó tay mà chịu cắt tai ".

"Đầu niên hiệu Thái Ninh (niên hiệu của Hoàng Đế Lý Nhân Tông, dùng từ năm 1072 đến năm 1076 - NKT) đức kim thượng Minh Hiếu Hoàng Đế (chỉ Lý Nhân Tông - NKT) lên ngôi, Thái Úy với tư cách là Y Doãn, Hoắc Quang (hai danh thần của Trung Quốc đời nhà Thương và đời nhà Hán đã có công phò tá Hoàng Đế Trung Quốc lúc còn tuổi ấu thơ, đây chỉ việc Lý Thường Kiệt là Phụ Chính Đại Thần của Lý Nhân Tông - NKT) được Hoàng Thượng giao quyền nhiếp chính và gửi gắm công việc xã tắc. Bổng chốc, quân biên ải của nhà Tống dòm ngó nước ta, Thái Úy sẵn mưu lược của triều đình, thống lĩnh quân sĩ, tràn sang diệt hết cả ba châu (chỉ Ung Châu, Khâm Châu và Liêm Châu - NKT) và bốn trại (chỉ bốn trại lính lớn của nhà Tống ở Ung Châu là Hoàn Sơn, Thái Bình, Vĩnh Bình và Cổ Vạn - NKT) dễ dàng như bẻ cành gỗ mục. Chẳng bao lâu sau, giặc lại ồ ạt kéo đến sông Như Nguyệt, sục sôi quyết chí trả thù cho ba châu, Thái Úy liền cầm quân ra chống trả".

"Thái Úy vào trong thì sáng suốt khoan hòa, ra ngoài thì nhân từ giản dị, đối đãi phong tục nào có quân công, việc gì cũng siêng năng, sai bảo dân thì ôn hòa, cho nên, đời được cậy nhờ chẳng phải ít".

"Thái Úy tuy thân vương việc đời mà lòng vẫn luôn hướng về Tam Thừa (chỉ Tiểu Thừa, Trung thừa và Đại Thừa, tức là Phật Giáo nói chung - NKT) có lẽ vì Hoàng Thượng và Thái Hậu thực tâm tôn sùng giáo lý nhà Phật chẳng ? Cho nên, vâng theo ý chỉ của Hoàng Thượng và Thái Hậu, Thái Úy không ngừng nâng đỡ Phật Giáo . Nhân lúc rảnh việc triều đình, thầy của Thái Hậu là Sùng Tín Đại Trưởng Lão mới từ kinh sư đi vào, mở mang giáo hóa, khơi thông tập tục mới lạ, răn điều ác, trọng việc thiện, khác nào cây cỏ được nhuần thấm trận mưa rào, cho nên, không ai là không vui tươi hơn hờ."

Kết thúc Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh là phần văn vần khá dài, lời lẽ giản dị mà hùng tráng, vừa tỏ được cái tâm khả kính của người tu hành, lại cùng vừa ngời sáng niềm kiêu hãnh của một thần dân trước sự nghiệp phi thường của bậc vĩ nhân Lý Thường Kiệt. Xin được giới thiệu một trích đoạn ngắn như sau :

*Việt hữu Lý công,
Cổ nhân chuẩn thức.
Mục quận ký ninh,
Chương sư tất khắc.
Danh dương hàm hạ,
Thanh chán hà vực.*

*Tông giáo quy sùng,
Cảnh phúc thị thực.*

Nghĩa là :

*Nước Việt có tướng công người họ Lý,
Nói theo đúng thể thức của người xưa.
Trị dân thì dân được yên,
Xuất quân thì tất thắng.
Tên tuổi vang lừng khắp cõi,
Tiếng thơm nức bốn phương.
Thuận theo và tôn sùng Phật Giáo,
Giữ gìn phúc đức quả là đây.*

Trong thư tịch cổ, hình như viết về danh nhân Lý Thường Kiệt, hiếm thấy tác phẩm nào có lời lẽ cảm động như Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh . Văn bia còn, cái tâm mờ sáng của Thích Pháp Bảo cũng mãi còn với "vạn cổ thử giang sơn" (muôn đời non nước này).

NGUYỄN KHẮC THUẬN